

NGỰ TRONG "GIẤC NGỦ MƯỜI NĂM"

"Giấc ngủ mười năm" là một thiên truyện hấp dẫn, được Bác Hồ viết năm 1949 và được Tổng bộ Việt Minh xuất bản cùng năm, tức là trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn rất gian khổ, gay go - của *"giai đoạn cầm cự"*.

Hiện thực trên đất nước ta, những năm ấy, được Người miêu tả qua sự trải nghiệm của một chiến sĩ quân đội. Đó là Nông Văn Minh - nhân vật chính của thiên truyện - một cố nông người Nùng ở Cao Bằng, vừa tròn 28 tuổi (anh sinh năm 1920). Cha anh, ông Nông Văn Quang, quanh năm khó nhọc, ngày mùa ra đồng cày cấy, hết mùa ra phố làm thuê. Ông lại thường phải đi phu, mà mỗi lần ông đi phu, Nông Văn Minh ở nhà nhịn đói. Lên 10 tuổi, Minh phải đi ở chăn trâu cho cụ Bá ở làng bên cạnh.

Đi ở cho địa chủ đúng 10 năm, về nhà Minh lấy vợ, tên là Xuân. Cuối năm, Xuân đẻ con gái, đặt tên là Đào. Cũng vào thời gian ấy, Minh theo cha tham gia cách mạng; kháng chiến bùng nổ thì vào Vệ quốc quân. Trong làng anh, tất cả thanh niên cứu quốc và một phần lớn nông dân cứu quốc vào dân quân du kích, phụ nữ cứu quốc cũng xin vào, nhưng đoàn thể bảo ở lại tăng gia sản xuất.

Những năm ở bộ đội, chiến đấu nhiều nơi, hết Lạng Sơn đến Bắc Giang rồi Bắc Ninh, Nông Văn Minh cảm phục trước tinh thần chiến đấu hy sinh dũng cảm của đồng bào ta. Anh cũng chứng kiến những tội ác tày trời của bọn thực dân Pháp: nào hãm hiếp đàn bà trẻ em, nào chặt đầu, móc mắt, mổ bụng, moi gan những người dân lương thiện. Chúng đã gây biết bao tội ác tày trời.

Trong trận đèo Bông Lau, Minh bị thương ở đầu. Máu chảy nhiều quá, anh mê đi bao giờ không biết.

Khi tỉnh lại, anh mới biết mình bị bệnh ngủ, và giấc ngủ kéo dài đến 10 năm!

Đó là ngày 15 - 8 - 1958.

Như vậy, ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến trong máu lửa, tàn khốc, nhà văn Trần Lực - tức Bác Hồ của chúng ta đã tưởng

tượng ra khung cảnh của 10 năm sau. Về cơ bản là đúng: kháng chiến đã thành công. Tác giả không nói thành công vào năm nào, nhưng cho biết năm 1958, hòa bình ở miền Bắc đã được 4 năm.

Và cảnh anh nằm ở bệnh viện: Gian phòng tĩnh lặng, chăn vải trắng tinh, lại hơi thơm thơm. Sờ trên đầu không thấy sẹo, không thấy đau gì cả. Cái buồng thật xinh xinh, sáng sủa, sạch sẽ. Trần và vách đều trắng toát. Trên bàn có một cốc sữa đặt trên một cái đĩa bằng thủy tinh. Lại có một cái bình cắm đầy những bông hoa tươi thơm ngát... Đó cũng đúng là cảnh bệnh viện những năm sau hoà bình. 10 năm trước, trong khói lửa chiến tranh, tác giả đã cảm nhận được sự thật ấy. Quả là một điều tiên tri tuyệt vời!

Ngồi bên giường Nông Văn Minh lúc này là một cô gái trẻ. Trong câu chuyện thân tình, cởi mở cùng cô, anh mới biết đó chính là con gái mình, cô bé Đào ngày xưa, đã trở thành sinh viên Y khoa, hiện đang thực tập ở bệnh viện...

- A di đà Phật! Minh nghe mà không tin vào lỗ tai mình. *"Thế nào! Thị Xuân, vợ thằng đi ở chăn trâu mà làm Chủ tịch xã ư?"* Con bé Đào, con của đứa ăn vụng cơm nhà địa chủ mà vào Đại học Y khoa ư?

“Tôi nghe lầm chăng? Tôi còn ngủ mê chăng? Hay là con tôi nói dối? Hay là thế giới đổi lộn nhào?”.

Nhưng rồi, anh hiểu ra: *“Cũng có lẽ. Nếu Tây thua, nếu Việt Nam thống nhất độc lập thì gì mà ta làm chẳng được!”.*

10 năm đổi thay thật kỳ diệu. Đổi thay của gia đình Minh hòa trong sự đổi thay của đất nước: *“Từ thành thị đến thôn quê, không còn có một người nào mù chữ, không còn có một người nào đói rách, không còn có một người nào thất nghiệp nữa.*

Phố xá, làng mạc, nơi nào cũng sạch sẽ xinh tươi.

Trường học, thư viện, nhà hát, phòng phát thuốc, sân thể thao nơi nào cũng có.

Cờ bạc, hút xách, trộm cắp, đĩ điếm đều mất...”

Với *“Giấc ngủ mười năm”*, Hồ Chủ tịch dựng lên trước mắt người đọc cả một viễn cảnh tương lai - viễn cảnh nhưng rất gần gũi, hiện thực - tạo nên một niềm tin tưởng, phấn khởi trong nhân dân, quyết hy sinh phấn đấu để đạt tới. Với viễn cảnh được vẽ ra rất gần với hiện thực như vậy không chỉ cho thấy niềm tin kiên định sâu sắc của Bác đối với công cuộc cách mạng mà còn cho thấy sự sáng suốt, trí tưởng tượng mang tính tiên tri tuyệt vời đến vậy. Sự tiên đoán ấy

là hoàn toàn có cơ sở khoa học. Như suy nghĩ của anh chiến sĩ Nông Văn Minh: *“Trước kia một cổ hai tròng, vừa Tây vừa Nhật, Việt Minh chỉ có hai bàn tay trắng mà cũng cách mạng thành công, cũng giành lại độc lập kia mà. Huống chi ta đã có chính phủ, có quân đội, có nhân dân, kháng chiến đã thắng lợi, thì gì ta làm chẳng thành công!”*.

Cũng trong thiên truyện này, tác giả - qua lời của Đào - thuật lại những trận đánh của quân đội ta, không riêng Nông Văn Minh, ngay những người đọc chúng ta, khi đọc truyện, mới biết những dự báo, tiên đoán trước đó của Bác. Đây là một đoạn kể của Đào:

- *“Chắc cha còn nhớ, giặc Pháp tấn công Việt Bắc cuối năm 1947. Song chắc cha không rõ chúng tấn công cách nào.*

Một mặt, chúng theo đường thủy lên sông Lô, đến Tuyên Quang, lên sông Gâm, đến Chiêm Hóa.

Một mặt, theo đường bộ, từ Tiên Yên qua Lạng Sơn, đến Cao Bằng rồi xuống Bắc Cạn.

Chúng gọi là hai gọng kìm.

Một mặt khác, chúng đánh từ Bắc Ninh, Bắc Giang lên.

Máy bay thì thả quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Đình Cả, Đại Từ và nhiều nơi khác.

Mục đích của chúng là, ngoài đánh vào, trong đánh ra. Dưới nước đánh lên, trên trời đánh xuống. Chúng đã chắc mẫm như thế thì cơ quan và bộ đội ta chạy đằng trời cũng không thoát khỏi cái lưới của chúng.

Nếu ta không khôn khéo, thì có lẽ như thế thật”.

- “Nhưng Chính phủ ta đã đoán trước âm mưu của giặc. Cụ Hồ liền ra lệnh cho quân đội và nhân dân phải kiên quyết xông ra cản giặc. Bộ Tổng chỉ huy thì cấp tốc điều động bộ đội chặn đánh các đạo quân Tây.

Về phía thủy, quân ta đại thắng ở Phủ Đotan, ở Tuyên Quang, ở sông Gâm, ở Chiêm Hóa, hàng chục chiến thuyền của Pháp bị ta đánh chìm. Máu chảy đỏ sông, lửa phun ngang núi. Bị chặn đánh liên tiếp, giặc vội vã rút lui. Chúng để lại vô số đạn dược súng ống và nhiều tha ma chôn lính Tây.

Thế là một gọng kìm của giặc bị ta đánh gãy.

Về phía bộ, quân ta đại thắng ở Bông Lau, Lũng Vài, Đông Khê, Thất Khê... Hàng chục chiếc xe của giặc bị đánh tan. Xác chất thành cồn, máu tràn đầy hồ. Phía đó chúng cũng thất bại và cũng để lọt vào tay ta nhiều súng đạn, thuốc men”.

Đào còn kể những trận thắng lớn của quân

và dân ta ở miền Nam, như trên đường Sài Gòn - Đà Lạt, Sài Gòn - Sa-đéc, đặc biệt là trận La Ngà làm náo động cả dư luận Pháp. Định thất bại thảm hại cả trên mặt trận chính trị, như việc lập ra chính phủ bù nhìn Vĩnh Thụy - Nguyễn Văn Xuân...

Ý chí quyết tâm trường kỳ kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn một lần nữa được khẳng định qua lời Đào nói với cha:

- *"Ngay từ lúc tiếng súng bắt đầu nổ, Chính phủ và nhân dân ta đã có một chính sách nhất định, một chính sách không thay đổi. Tức là kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng, kháng chiến bao giờ giành được thống nhất và độc lập thật sự mới thôi. Như Hồ Chủ tịch đã nói: "Dù cần kháng chiến 5 năm, hay 10, 15 năm, ta cũng cứ kháng chiến".*

Nghe con gái kể các trận thắng lớn của quân và dân ta, Nông Văn Minh hỏi:

- Thế là giặc Pháp hoàn toàn thất bại, ta hoàn toàn thắng lợi, kháng chiến hoàn toàn thành công rồi, chứ gì?

Đào nói:

- Thừa cha chưa đâu. Lúc đó cũng có người tưởng như cha vừa nói. Nhưng Cụ Hồ bảo rằng: *con rắn thực dân đã bị ta đánh gãy lưng, song nó chưa bị đánh giập đầu. Còn đầu thì nó còn*

có thể cần. Vì vậy, ta cần phải cẩn thận hơn, đề phòng hơn, chuẩn bị hơn nữa, để đánh cho gấp đầu nó. Khi đó ta mới hoàn toàn thắng lợi!

Quả nhiên, như lời Cụ nói. Sau khi thất bại, giặc kéo nhau về giữ mấy thành thị lớn, để mưu vật với ta một keo nữa”.

Lại một lời tiên đoán!

Phải có thêm những trận đánh oanh liệt hơn nữa, thì Việt Nam mới hoàn toàn độc lập. “Bạo lực của thực dân đã tan nát. Chính phủ Pháp không thể “*cò kè bớt một thêm hai*” được nữa”. Lúc ấy, các cuộc đàm phán giữa hai nước mới diễn ra nhanh chóng. “*Đoàn đại biểu Pháp ban đầu tuy cũng tìm cách này hay cách khác để cãi lẩy được, nhưng rồi cũng phải thừa nhận những điều kiện chính đáng của ta.*

Chỉ một tuần thì hòa ước ký xong.

Ba hôm sau, toàn cõi Việt Nam làm lễ ăn mừng kháng chiến thắng lợi”.

Thật là những trang văn đầy chất lạc quan cách mạng. Vâng, tác giả những trang văn ấy phải là người vững tin nhất, nắm chắc vận mệnh của dân tộc nhất. Giữa cảnh vui “*gấp mười gấp trăm ngày lễ độc lập tháng 9 năm 1945*”, với “*cờ đỏ sao vàng đỏ rực thành thị và thôn quê*”, “*đâu đâu cũng kéo cờ, treo đèn kết hoa*”, “*Hà Nội chật ních*

những người là người”, “có những cụ già mừng rỡ và vui sướng quá mà khóc như trẻ con”
Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói:

“Nước ta ngày nay được thống nhất và độc lập thật sự rồi. Thống nhất và độc lập đó là do mồ hôi nước mắt của đồng bào, do xương máu của chiến sĩ mà tranh được.

Ta thành công rồi, song chúng ta cũng như người đánh võ thắng lợi. Tuy thắng lợi, nhưng không khỏi chảy máu trầy da. Bây giờ cần phải lo chữa những vết thương đó.

Bao nhiêu thành phố bị tàn phá, làng mạc bị tan hoang. Bao nhiêu ruộng đất bị tiêu điều, đường sá bị hư hỏng; bao nhiêu đồng bào bị lưu ly thất sở, trẻ con bị mất mẹ lìa cha.

Đó là những thương tích mà chúng ta phải ra sức cứu chữa ngay.

Nhờ lực lượng đại đoàn kết mà chúng ta kháng chiến thắng lợi. Từ đây, cũng nhờ tinh thần đại đoàn kết mà chúng ta kiến quốc thành công”.

Những tuyên bố trên đây được viết năm 1948, một thời điểm - như đã nói - đầy những thử thách gay go của cuộc chiến tranh vừa bắt đầu. Vậy mà những tiên đoán cho mười năm sau, về cơ bản là hiện thực, hoặc ít nhất cũng đã mở ra một đường hướng tất yếu của lịch sử.

Chưa phải cả nước, nhưng miền Bắc, sau chiến tranh, đã từng ngày đổi thịt thay da, đã no ấm, giàu mạnh, dân chủ, hòa bình, đúng như cảnh tượng Người tiên đoán thông qua lời của nhân vật.

KỂ DỊCH MỚI SẼ HÙNG MẠNH VÀ HUNG ẮC HƠN NHIỀU

Trong hồi ký “*Nhớ lại một thời*” của mình, nhà thơ Tố Hữu đã mô tả niềm phấn khởi vô hạn của quân và dân ta khi nhận được tin toàn thắng ở mặt trận Điện Biên Phủ. Niềm vui ấy đã cho ông cảm hứng vô cùng to lớn, để viết một mạch bài thơ *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*. Mở đầu bài thơ, tác giả thể hiện lại đúng cái cảnh: giữa rừng đêm tối, bỗng thấy đuốc lửa sáng bùng và tiếng vó ngựa chạy lên dốc vào các cơ quan loan báo tin vui. Theo Tố Hữu, bài thơ này cùng với bài *Ta đi tới* là những tiếng ca sảng khoái nhất của ông. Nhưng ngay trong những giờ phút đầy phấn chấn mừng vui ấy, nhà thơ của chúng ta cũng đã được Bác nhắc nhở, vì Bác đã dự đoán được cả những chặng đường sau.

Ông kể: “Sáng 8-5-1954, tôi được gọi vào gặp

Bác Hồ đề báo cáo về công tác tư tưởng. Thấy tôi, Bác hỏi:

- *Đêm qua các chú làm gì mà âm lên thế. Đánh giặc thì phải thắng. Thắng thì vui mừng. Nhưng sao lại hò reo ồn ào, náo động cả vùng Trung ương cần giữ bí mật! Bác đã điện ra mặt trận khen cán bộ và chiến sĩ ta đánh giỏi, nhưng nhắc không được chủ quan khinh địch. Đây mới là trận thắng đầu. Chiến thắng Pháp rồi, phải nhớ trước mặt ta còn có kẻ địch hùng mạnh hơn, hung ác hơn, đó là đế quốc Mỹ. Vì vậy phải chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh lâu dài, gian khổ hơn. Các chú phải nhớ lấy. Trong công tác tuyên truyền không được tếu*".

Nhà thơ kể tiếp: "Sau khi được gặp Bác, tôi ra về, vừa phấn khởi, vừa lo lắng về công việc của mình. Bác nói "*kẻ địch mới sẽ hùng mạnh và hung ác hơn nhiều*", bởi vậy công tác tư tưởng sắp tới phải chú ý khắc phục tính chủ quan và nhất là tâm lý "*xả hơi*" trong Đảng, trong nhân dân. Và thực tế đã diễn ra đúng như tiên đoán của Bác".

Bác Hồ và Trung ương Đảng ta còn nhận định: *Một khi Mỹ đã vào thay chân Pháp thì chắc chắn cuộc chiến đấu còn lâu dài.*

Trong một hồi ký đăng trên báo *An ninh thế giới*, số 385 (ngày 10-6-2004), đồng chí

Phan Trọng Bằng kể:

“Một buổi chiều hạ tuần tháng 3-1954, Bác Hồ cho gọi đơn vị bảo vệ tập trung lại để Bác nói thời sự trong nước và thế giới cho cán bộ, chiến sĩ quán triệt tình hình mới (...). Bác phân tích sâu sắc bối cảnh, nhiệm vụ chiến lược mới của đất nước cho cán bộ, chiến sĩ nghe, đại ý: sự thất bại của thực dân Pháp rồi đây sẽ buộc chúng phải ngồi cùng ta đàm phán ở Genève. Pháp thua, nhưng phải thấy kẻ thù nguy hiểm là đế quốc Mỹ rất hiếu chiến. Quân dân ta phải hết sức cảnh giác để chuẩn bị đánh bại âm mưu của nó. Bác chỉ rõ, rồi ta sẽ thắng lợi, nhưng còn phải trải qua gian khổ hy sinh nhiều, quân và dân ta đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, tích cực đấu tranh nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn”.

Đồng chí Phan Trọng Bằng viết tiếp:

“Qua buổi nói chuyện của Bác, cán bộ chiến sĩ đã nhận thức được tình hình hiện tại và sắp tới, thấy rõ dã tâm kẻ thù chính của dân tộc ta là đế quốc Mỹ; tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh mới để thống nhất đất nước. Và ai cũng thâm đoán với sự chủ động nhạy bén sâu sắc, tiên lượng được thế cuộc và thời cơ nhất định Bác sẽ cử cán bộ giỏi nắm chắc được sách lược và chiến lược vào hai mặt trận đấu tranh ngoại

giao và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi trước mắt và cả lâu dài cho cách mạng”.

Liên quan đến tình hình những ngày hòa bình đầu tiên, có một câu chuyện do ông Tạ Quang Chiến - một trong 8 người được Bác Hồ đặt tên *“Trường Kỳ Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi”* - kể lại: Một lần, ông và ông Hoàng Hữu Kháng đến thăm Bác Hồ, đang lúc vui, các ông đề xuất ý kiến:

- Thưa Bác! Bây giờ đã hòa bình, tên gọi *Kháng Chiến* không hợp nữa, xin Bác cho đổi lại là Hòa Bình ạ!

Bác thoáng nghiêm mặt bảo:

- Không có đổi gì cả, bây giờ hòa bình nhưng vẫn còn phải chiến đấu. Có kháng chiến mới có hòa bình.

Hiểu ý Bác, các ông càng thấy ý nghĩa tên gọi lịch sử mà Bác đặt cho.

Nhớ lại thời điểm đó, nhà thơ Tố Hữu còn kể lại chuyện ngày Bác đến thăm lớp huấn luyện chuẩn bị cho tiếp quản thủ đô. Bác căn dặn nhiều điều mà Bác đã lường trước, kể cả những suy nghĩ, tính toán về quần áo, lương bổng lo lắng về tương lai tiền đồ và đặc biệt là *“Khi về xuôi thì đạo đức và nhân cách của mình như thế nào?”*

Xin được nghe lời Bác phân tích giảng giải bây giờ về xuôi thì thế nào?

“Học cái tốt thì khó, ví như người ta leo núi, phải vất vả, khó nhọc mới lên đến đỉnh.

Học cái xấu thì dễ, như ở trên đỉnh núi trượt chân một cái là nhào xuống vực sâu.

Mấy năm kháng chiến, các cô, các chú đã học được nhiều đức tính tốt. Về xuôi nhất là về thành thị, sẽ có nhiều người phức tạp, nhiều thứ quyến rũ mình vào thói xấu.

Ta ở rừng núi, quen tiết kiệm của công, của riêng. Đó là điều tốt. Về xuôi, Bác chỉ nói vài cái nhỏ: phở ngon, rồi thì đồng hồ, bút máy, xe đạp, v.v.. Nếu không giữ được thói quen tiết kiệm thì sẽ tham ăn ngon, tham mua các thứ xa hoa. Lương không đủ thì sẽ lấy ở đâu? Lúc ấy chỉ có hai cách: một là ăn cắp của Chính phủ, hai là bị tiền mua chuộc...

Một vài thí dụ: Nó đi buôn lậu, sợ anh bắt, nó cho anh cái đồng hồ, bút máy để đi thoát. Cán bộ đi mua bán, nó cho ăn một ít để mua đắt, bán rẻ cho nó. Đó là ăn hối lộ, mà ăn hối lộ là có tội, vì nó làm hại cho nhân dân, thiệt đến công quỹ của Chính phủ.

Có thể những người khi kháng chiến thì rất anh dũng, trước bom đạn địch không chịu khuất phục, nhưng đến khi về thành thị lại bị tiền bạc, gái đẹp quyến rũ, mất lập trường, sa vào tội lỗi.

Cho nên bom đạn của địch không nguy hiểm

bằng “*dạn bọc đường*” vì nó làm hại mình mà mình không thấy.

Muốn giữ vững nhân cách, tránh khỏi hủ hóa, thì phải luôn thực hành 4 chữ mà Bác thường nói. Đó là: Cần, Kiệm, Liêm, Chính...”¹.

Lời Bác dạy thật thấm thía, vì Người đã thấy trước những gì có thể xảy ra, chỉ cho mọi người cùng thấy để cảnh giác, đỡ vấp ngã.

Cũng vào đầu tháng 10 năm đó, Bác Hồ và một số vị lãnh đạo khác bắt đầu rời Đại Từ, Thái Nguyên bằng ô tô về Hà Nội: Theo kế hoạch bảo vệ Bác, tổ tiên trạm dự định đường đi của đoàn là từ Đại Từ, qua Vĩnh Yên, rồi về thị xã Sơn Tây, nghỉ lại ở đó trước khi về Hà Nội. Trên tuyến đường đi, những địa điểm dự kiến sẽ dừng lại nghỉ chân đều đã bố trí sẵn sàng. Các lực lượng trinh sát được chuẩn bị chu đáo, có sự phối hợp với công an địa phương bảo vệ từ xa. Khi đến chặng nghỉ lần thứ nhất, lực lượng bảo vệ đề nghị Bác nghỉ chân.

Người hỏi:

- Địa điểm này do các chú bố trí à?

Các anh Du và Tiến thưa:

- Vâng ạ!

Nghe vậy, Bác quyết định lên xe đi tiếp.

¹ Lời Bác nói ngày 5-9-1954, lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Đến một gốc gạo bên cạnh bãi cỏ rộng xa dân, Người ra lệnh dừng xe lại để nghỉ. Địa điểm này ở cách xa địa điểm vừa bố trí chừng 2 km. Bác giải thích:

- *Địa điểm trước ta không dừng lại nghỉ vì các chú công an đã cử người bảo vệ. Biết đâu lại huy động cả người địa phương tham gia? Việc gì cũng vậy, nếu nhiều người biết thì không giữ bí mật được. Đã có nhiều người biết và cùng tham dự thì kẻ địch cũng có thể biết được. Đất nước mới hòa bình, kẻ địch còn nhiều âm mưu phá ta. Những người trước đây đi lính cho Pháp chỗ nào chẳng có. Họ chưa hiểu ta, do đó ủng hộ ta chưa triệt để. Cho nên, cảnh giác không thừa. Bác chuyển vị trí nghỉ giải lao cũng chính là giúp các chú làm công tác bảo vệ.*

Chỉ là việc chuyển chỗ nghỉ giải lao, nhưng nó nói lên sự cảnh giác cao độ và sự tiên đoán của Bác về những gì có thể xảy ra.

Trở về Hà Nội, Bác có thư khen các chiến sĩ và cán bộ của các đơn vị tiếp quản Thủ đô. Trong thư, Bác viết: “Bác vui lòng khen ngợi các chú, đồng thời Bác lại dặn các chú:

- *Chớ vì có thành tích mà chủ quan,*
- *Phải luôn luôn cảnh giác và giữ kỷ luật chặt chẽ.*

- Phải luôn luôn thi đua học tập và công tác, mở rộng tự phê bình và phê bình để tiến bộ mãi, để làm cho bộ đội ta càng thêm hùng mạnh, chính quyền ta càng thêm vững chắc”.

Bác viết nhiều bài báo, ký bút danh C.B., vạch rõ âm mưu thâm độc của Mỹ nhằm phá hoại cách mạng của nhân dân các nước Đông Dương. Người cũng viết nhiều bài nói về lập trường, tư cách đạo đức của người cán bộ cách mạng trong tình hình mới. Trong bài “Người cán bộ cách mạng”, Người chỉ rõ:

“Chúng ta phải hiểu rằng: Những thắng lợi chúng ta đã tranh được tuy rất to, nhưng mới chỉ là thắng lợi bước đầu trên đường đi muôn dặm. Cho nên chúng ta quyết không nên vì thắng mà kiêu. Chúng ta phải thấy rằng chúng ta còn nhiều khó khăn; thấy khó khăn để khắc phục khó khăn, chứ không phải thấy khó khăn mà sợ hãi, nản chí”.

Người viết tiếp:

“Trong hoàn cảnh hòa bình ngày nay, số đông cán bộ ta vẫn giữ vững truyền thống cách mạng tốt đẹp, cần cù chất phác, bền bỉ đấu tranh, làm tròn nhiệm vụ.

Song có một số cán bộ lầm tưởng hòa bình là thái bình, thờ ơ với đạo đức cách mạng và mắc nhiều khuyết điểm sai lầm. Thí dụ:

- Muốn nghỉ ngơi, sợ gian khổ, muốn công tác thành thị, không thích đi cải cách ruộng đất.

- Ngại công việc khó, không ham học tập, thiếu cảnh giác, kém kỷ luật.

- Muốn ăn tiêu rộng rãi, thích phô trương lãng phí. Do đó mà tự tư tự lợi, tham ô hủ hóa.

- Ghen tị địa vị, quan liêu bao biện, không tin vào lực lượng quần chúng, không tin tưởng vào đấu tranh chính trị, hễ gặp khó khăn thì dao động hoang mang...”

Những lời nhắc nhở, phê bình của Bác cũng là những tiếng nói mang tính tiên tri, lường trước những gian khó, vấp ngã trên bước đường muôn dặm.

Còn nhớ, ngày 10-3-1958, đến thăm Sư đoàn 316, Bác Hồ nhấn mạnh: Chiến thắng Điện Biên Phủ là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử dân tộc ta, đồng thời nó còn in đậm vào trí nhớ của các dân tộc anh em, bạn bè quốc tế. Bác căn dặn: “*Rồi các nước sẽ đến thăm ta, thăm chiến trường Điện Biên Phủ. Ta phải coi trọng giữ gìn cái nơi làm nên lịch sử đó!*”¹.

Tháng 5-1990, trò chuyện với phóng viên báo Văn Nghệ, nhà thơ Tố Hữu kể lại chuyến gặp Bác lần đầu tiên tại Hà Nội, chỉ gần 2 tháng sau khi

¹ Báo An ninh thế giới, số 146, ra ngày 6-5-2004.

nước nhà độc lập, đồng chí Tố Hữu có thư với Bác: “Bọn cháu ở bí mật ra, không hiểu chính quyền, xin Bác cho kinh nghiệm để về làm”.

Bác nói:

- Bác cũng mới làm. Bác có làm Chủ tịch bao giờ!

- Dạ, nhưng xin Bác chỉ vẽ cho. Bác cho ý kiến như ở Huế thì nên làm thế nào?

- Ồ, cứ hỏi dân. Dân ưng cái gì, không ưng cái gì. Người ta ưng cái gì thì làm, không ưng cái gì thì đừng có làm. Làm thế nào, cũng hỏi dân. Cử ai làm, cũng phải hỏi dân.

Kể lại câu chuyện trên, Nhà thơ Tố Hữu nói: “Tóm lại, chính quyền theo Bác chỉ có ba câu. Sau này ta nói: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra - theo tôi có lẽ không rõ bằng ba câu của Bác...”.

Đó là những lời dự báo, chỉ đường cho hoạt động của các cấp chính quyền trong tương lai. Có thể nói, bất cứ việc gì ở đâu và vào thời điểm nào, Bác đều tính trước, lo sau, nhìn thấy sự việc. Lại nói lại chuyện từ trước ngày độc lập. Bác đã dự đoán sẽ có một cuộc kháng chiến tiếp theo. Cho nên Người đã bố trí một số cán bộ xây dựng căn cứ địa. Một đêm cuối thu 1947, trở lại Việt Bắc, Bác cho mời ông Ma Đình Kháng Chủ tịch huyện Định Hóa tới lán Bác ở. Đã khuya lắm, Bác vẫn thức. Ông

Kháng đến. Bác nói:

- Sớm muộn Pháp sẽ đánh lên Việt Bắc. Chú đã vạch kế hoạch tác chiến cho huyện chưa? Khi địch đánh tới đây, Bác chuyển đi đâu, chú đã sắp xếp chưa?

- Dạ, đã chuẩn bị cả rồi ạ...

Chính lời nhắc nhở của Bác đã giúp cho việc xây dựng củng cố An toàn khu vững vàng hơn. Bác còn dặn dò kỹ cả về cách chọn địa điểm ở:

*Trên có núi,
Dưới có sông
Có đất ta trồng,
Có bãi ta vui
Tiện đường sang Bộ Tổng,
Thuận lối đến Trung ương
Nhà thoáng, rào, kín mái,
Gần dân, không gần đường.*

Chính từ những căn dặn hết sức cụ thể, chi tiết ấy, Bác đã lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Điểm lại hàng loạt dự kiến của Bác, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn lý giải thấu đáo ngọn nguồn, ông viết: “thực tế cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm sâu sắc”.

Trong tác phẩm *Việt Bắc anh dũng* của Bác, ký bút danh Tân Sinh, do Tổng bộ Việt Minh xuất bản lần đầu tiên năm 1948, mục đầu tiên

mang nhan đề: “Những lời đoán trước”. Đoạn đó viết: “Ngay lúc bắt đầu kháng chiến, Hồ Chủ tịch ra lệnh: *Trường kỳ kháng chiến*, để đánh tan mưu mô *Đánh mau thắng mau* của thực dân. Ngày trước khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã đoán trước: Địch sẽ cố chiếm mấy thành thị và mấy đường giao thông. Chúng càng rải rác, lực lượng càng mỏng manh, ta càng dễ tiêu diệt chúng.

Ngay lúc đầu, Bộ Quốc phòng và Bộ tổng chỉ huy đã định dùng chiến thuật du kích để tiêu diệt địch.

Càng ngày chúng ta càng thấy những ý định trên là sáng suốt, nhất là trong cuộc tấn công vào Việt Bắc, chúng ta càng thấy rõ như thế”.

Đó chính là một trong những tiên đoán lớn nhất của Bác ở quãng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cũng nói về thiên tài quân sự, chúng ta có thể tìm trong *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử* ở tập 4, trang 332, những điều tiên đoán đã được thực tế kiểm chứng sau này, khi Bác trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *Cửu Quốc* về tình hình Trung Quốc, Người nêu rõ: “*Tướng thống chế thất bại vì không được lòng dân, quân giải phóng thắng lợi vì được toàn dân ủng hộ*”. Và Người tiên đoán: “*Cứ cái đà ấy thì cuộc nội chiến Trung Hoa có thể kết liễu trong*

năm nay” (6-1949).

Trong *Lời kêu gọi* nhân dịp kỷ niệm 4 năm Ngày toàn quốc kháng chiến (1950), Người đã đánh giá sự thay đổi lực lượng giữa địch và ta: *“Tình thế bên địch ngày càng khó khăn”,* còn *“Ta đã từ bị động chuyển dần sang chủ động, từ thế yếu chuyển dần sang thế mạnh, từ thế thủ chuyển dần sang thế công”* (19-12-1950).

Như lời kể của Cố Phó Chủ tịch Nguyễn Lương Bằng:

“Khi ta mở Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác dự báo: Thực dân Pháp trừ tính quân ta sẽ tiếp tục đánh thắng nhiều nơi nữa, không loại trừ đánh vào cả Hà Nội. Bởi thế cho nên Pháp không những tập trung lực lượng và vũ khí củng cố thế trận giữ cho được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ mà còn bảo vệ và giữ cho được Hà Nội. Vì vậy, *Bác đã chỉ đạo lực lượng vũ trang ta cần phải “dĩ độc trị độc”.* Ta sẽ giải phóng Hà Nội, nhưng không đánh vào Hà Nội. Ta phải tập trung lực lượng và vũ khí quyết đánh thắng thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ thì ở Hà Nội ta không cần đánh, giặc cũng tan”¹.

Ở một góc độ khác, Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng kể:

“Tháng 4-1954, cuộc chiến đấu ở Điện Biên

¹ Báo Công an Nhân dân, số Xuân 2004.

Phủ đang ác liệt, tôi đến chào Bác trước khi đi Gionevơ (Genève), *Bác cho biết là sẽ có món quà quý tặng đoàn đại biểu của ta, và chiến thắng Điện Biên Phủ, món quà vô giá ấy, đã đến ngay chiều hôm trước ngày Hội nghị Gionevơ khai mạc*¹.

Cũng trích dẫn lời Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, báo *Người Hà Nội*, số 19, số ra ngày 9-5-2003 đã có lời bình:

“Đây là ngẫu nhiên hay tất yếu? Trong lịch sử lắm khi ngẫu nhiên là tất yếu, và Bác Hồ là người cực kỳ nhạy cảm với cái ngẫu nhiên là tất yếu và cái tất yếu là ngẫu nhiên này”.

Có thể với sự dự báo, tiên đoán chính xác đến dường ấy, nên quân đội ta đã đi là đến, đã đánh là thắng. Xin nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể *“Cuộc họp ở Tỉn Keo”*²:

“Bác ngồi hóp, thái độ bình thản, điều thuốc lá kẹp giữa hai ngón tay duỗi thẳng. Thuốc lá là thứ “xa xỉ” duy nhất của Người trong sinh hoạt hàng ngày. Có lúc Người đã nói với cán bộ: “Mình có hai khuyết điểm: một là không lập gia đình, hai là... hút thuốc lá”. Đôi mắt Người chột lệ về chăm chú. Bàn tay Bác đặt trên bàn, bồng

¹ Báo *Nhà báo và Công luận*, số 11, từ 12 đến 18-3-2004.

² Báo *Quân đội Nhân dân*, trung tuần tháng 10-2003.

giơ lên và nắm lại. Người nói:

- *Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn.*

Bàn tay Bác mở ra, mỗi ngón tay trở về một hướng”.

Nhà báo Trần Trọng Trung cũng đã kể lại chi tiết này trên báo *Quân đội Nhân dân*, ngày 26-2-2004, và bình luận:

“Bàn tay và cách diễn đạt của Cụ gợi lại một hình ảnh 6-7 năm về trước. Mùa khô năm 1947, hàng vạn quân Pháp, hình thành hai gọng kìm lớn dài hàng mấy trăm kilômét, hùng hổ bao vây tiến công căn cứ địa Việt Bắc. Hồi đó, nói chuyện với một số cán bộ trong Tổng hành dinh, dùng cách diễn đạt riêng bằng hình tượng dễ hiểu của mình, *Cụ Hồ phân tích ý định của địch là sẽ khép chặt gọng kìm lại, thực hiện hội quân ở vùng Chợ Đồn – Đại Thị, hòng tạo thành một cái ô bọc lấy trung tâm An Toàn Khu, rồi chúng cụp ô lại, trên đánh xuống, dưới đánh lên, hòng bắt gọn cơ quan lãnh đạo kháng chiến. Cụ khẳng định: chúng chỉ mạnh ở hai gọng kìm thì cái ô cụp xuống sẽ trở thành cái ô rách. Quả nhiên, khi quân ta tập trung đánh mạnh trên hướng sông Lô – Đường 2, đập tan gọng kìm phía Tây là hướng yếu nhất, địch buộc phải lui quân.* Mùa

khô này, bàn tay xoè rộng của Cụ chỉ rõ phương hướng hành động của toàn quân phải vô hiệu hoá bằng được khối cơ động chiến lược mà bộ chỉ huy Pháp coi là công cụ chủ yếu quyết định thắng lợi của kế hoạch Nava”.

Lại nói về Chiến thắng Điện Biên Phủ với đặc điểm nổi bật là sự thay đổi cách đánh về phía Việt Nam chuyển phương châm chỉ đạo tác chiến từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Thực ra, Bác đã lường trước tình huống này. Khi trao nhiệm vụ cho đồng chí Võ Nguyên Giáp – người nắm quyền lực tập trung về quân sự tại mặt trận (Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tư lệnh quân đội và trực tiếp làm Chỉ huy trưởng Chiến dịch Điện Biên Phủ, kiêm Bí thư Đảng ủy Mặt trận), Bác nói: *“Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng, phải chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”*. Bác còn dặn dò thêm: *“Tướng quân tại ngoại, giao cho chú toàn quyền. Có vấn đề gì khó khăn, bàn thống nhất cùng đảng ủy, thống nhất với cố vấn rồi thì cứ quyết định rồi báo cáo sau”*¹. Chính những lời

¹ Trích tham luận của Giáo sư Phan Huy Lê tại Hội thảo “Điện Biên Phủ – 50 năm nhìn lại”, do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học quốc gia Hà Nội) và Trường Đại học Paris 1 Patheon-Sorbonne phối hợp tổ chức tại Hà Nội, tháng 4-2004.

căn dặn mang tính cấm nạng ấy đã giúp Đại tướng Võ Nguyên Giáp có được “quyết định khó khăn nhất trong đời chỉ huy”² mang tính lịch sử quan trọng như vậy.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn kể rằng:

“Khi quân ta đã đánh thắng, tôi nhớ chiều 7-5-1954, tôi điện về báo cáo với Bác và Bộ Chính trị. Hôm sau 8-5, Bác Hồ gửi điện khen ngợi cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong, dân công, khen ngợi đồng bào các dân tộc. Trong đó có câu “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”.

Nhận được điện khen của Bác, tôi triệu tập cán bộ chỉ huy chiến dịch ở Mường Phăng, chiêu đãi anh em bữa bánh cuốn Mường Phăng (tất nhiên không ngon bằng bánh cuốn Hà Nội). Tôi đọc điện của Bác và nhấn mạnh: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”. Tôi nói với anh em: chỉ có Hồ Chí Minh mới có được câu ấy. Một tuần sau, tôi về chiến khu Định Hóa ở Việt Bắc, đi thẳng đến lán của Bác Hồ. Tôi vừa xuống ngựa, Bác ở trong lán ra, ôm tôi và bảo: “Chúc mừng chủ chiến thắng trở về”. Rồi Bác nắm tay tôi: “Nhưng

² Trích sách Võ Nguyên Giáp – Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử, NXB QĐND, 2001, tr.14.

còn phải đánh Mỹ nữa”. Đúng là một nhà chiến lược nhìn xa trông rộng. Người đã tiên đoán tình hình hết sức chính xác. Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta là một lãnh tụ thiên tài của đất nước”¹.

¹ Theo Báo Nhân dân số ra ngày 7-5-2004.

MỸ CHỈ CHỊU THUA SAU KHI THUA TRÊN BẦU TRỜI HÀ NỘI

- ♦ Năm 1960, nhân ngày Quốc khánh lần thứ 15, Báo dự báo: “Chậm lắm là 15 năm nữa, Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc Nam nhất định sẽ sum họp một nhà”. Đúng như dự báo của Báo, năm 1975, Tổ quốc ta hoàn toàn thống nhất, giang sơn thu về một mối¹

Ngày 2 và 8-5-1964, cách đây vừa tròn 40 năm, Mỹ bắt đầu tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta – bằng cái gọi là “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”. Sau đó mấy tháng chúng chuyển chiến lược từ “Chiến tranh đặc biệt” sang “Chiến tranh cục bộ”. Từ đầu năm 1965, quân viễn chinh Mỹ ồ ạt vào xâm lược nước ta.

Ít ai biết rằng từ trước đó 5 tháng, ngày 27

¹ Theo sách *Hồ Chí Minh, thiên tài, trí tuệ sáng tạo thế kỷ XX*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2004.

và 28 tháng 3-1964, Bác Hồ đã cho triệu tập Hội nghị Chính trị đặc biệt, vạch rõ “Tội ác tày trời của đế quốc Mỹ làm cho cả loài người văn minh sục sôi căm giận”, đồng thời kêu gọi toàn quân và toàn dân ta quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Và trong lời bế mạc Hội nghị lịch sử này, Người tuyên bố: *“Chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ thành công ở miền Bắc.”*

Cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam ta nhất định sẽ thắng lợi vẻ vang.

Sự nghiệp đấu tranh để hòa bình thống nhất nước nhà nhất định sẽ thắng lợi”¹.

Ngày 22-12 năm đó, tại Lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, Người đã đọc diễn văn ngắn, nhưng có một câu tiên đoán mà hơn 10 năm sau trở thành hiện thực:

“Thắng lợi nhất định sẽ về ta!”

Trung tướng Hồng Cư viết: *“Đến nay, tôi vẫn thấm thía từng chữ, từng lời nói của Bác Hồ. Đó là một nhận định sâu sắc nhất, một lời khen ngợi xứng đáng nhất, một lời động viên cổ vũ toàn quân xung trận bước vào cuộc chiến đấu*

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.11, tr. 236-237.

*quyết liệt với giặc Mỹ xâm lược*¹. Ông Cư nhớ lại 10 năm trước, ngày 7-5-1954, khi quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ, cầm lá cờ Bác trao lên nóc hầm tướng Đờ Cát, Bác đã dạy: *Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu*.

Và tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II), Người đã phân tích một cách toàn diện chiến tranh. Người giảng rằng: *"Bây giờ Pháp thì đang nói chuyện với ta, đế quốc Mỹ thì đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp, mũi nhọn của ta phải chĩa vào đế quốc Mỹ"*². Người cũng chỉ rõ trong bài *"Pháp vỡ đầu, Mỹ càng méo mặt"*: *"Mỹ dần dần trở nên kẻ địch chính của quân đội và nhân dân ta..."* và *"nhiều Điện Biên Phủ khác đang chờ đợi chúng"*³.

Quả đúng như dự đoán của Người, quân và dân ta đã tiến hành và đánh thắng "trận Điện Biên Phủ trên không".

Trong hồi ký *Đi theo con đường của Bác*, Đại tướng Văn Tiến Dũng kể: "Ngày 21-2-1958, Bác chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị, thông qua kế hoạch xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng... Đối với công tác hậu phương, Bác nhắc lập kế

¹ Báo *Quân đội Nhân dân* số Xuân 2004.

² *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.7, tr. 315.

³ S.đ.d, t.7.

hoạch động viên, kế hoạch phòng không nhân dân... một vấn đề rất mới và phải nói là sớm, đó là nghiên cứu kế hoạch phòng không nhân dân.

Về sau, một hôm... Bác vòng bút mực đỏ quanh một bài báo, bên cạnh đó Bác viết mấy chữ: “*Gửi chú Dũng xem*”. Bài báo nói về phòng không nhân dân ở Thụy Điển (báo xuất bản ở Thụy Điển).

Tháng 12 năm 1962, đang làm Tham mưu trưởng pháo binh, Thượng tướng Phùng Thế Tài được điều về làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân (đồng thời là Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam). Bác gọi ông lên và hỏi: “*Chú đã biết gì về B52 chưa?*”. Bị bất ngờ, ông cứ ngỡ người ra. Bác đưa cho ông xem một tờ báo nước ngoài có đăng hình chiếc máy bay SE71 và hình máy bay B52. Bác nói về tính hiện đại, phát triển cao của khoa học và vũ khí Mỹ, đặc biệt của B52.

Thấy Thượng tướng Phùng Thế Tài lúc đầu có vẻ lúng túng, Người cười độ lượng:

- Nói thế thôi chứ chú có biết cũng chưa làm được gì nó.

Người dặn ông phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên quan tâm đến loại máy bay B52.

Năm 1965, Mỹ đưa B52 vào chiến trường

miền Nam. Bác nói: “Dù đế quốc Mỹ lắm súng, nhiều tiền, dù chúng có B57, B52 hay B gì đi nữa, chúng ta cũng đánh, mà đã đánh là nhất định thắng”¹. Rõ ràng là như thế. Ta đã đánh là thắng.

Trong *Di chúc* của Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”²

Vào khoảng cuối năm 1967, đầu năm 1968, sau khi đồng chí Phùng Thế Tài báo cáo tình hình chiến đấu, Bác Hồ đã chỉ thị: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua. Phải dự kiến

¹ Theo sách *Hồ Chí Minh thiên tài, trí tuệ sáng tạo thế kỷ XX*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2004.

² *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, t.12, tr. 511.

trước mọi tình huống càng sớm càng tốt để có thời gian mà suy nghĩ, chuẩn bị. Nhớ là trước khi thua ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ đã hủy diệt Bình Nhưỡng. Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua. Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội". Và Bác còn nói thêm "Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua...". Quả nhiên, để cứu vãn quân nguy đang bị sụp đổ trước những đòn tiến công nổi dậy liên tục của quân và dân miền Nam, đầu tháng 4-1972, chính quyền Níchxơn gây lại cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc nước ta.

Ngày 6-4-1972, Mỹ huy động phần lớn không quân và hải quân đánh phá miền Bắc với quy mô lớn, tàn bạo nhằm hủy diệt kinh tế và quốc phòng của nước ta.

Ngày 9-5-1972, Mỹ thả thủy lôi ở ven biển, cửa sông và các cảng ở miền Bắc Việt Nam. Mỹ sử dụng trên chục nghìn lần chiếc máy bay và hơn 1000 lần chiếc B52 đánh phá miền Bắc. Cuộc không tập đã gây cho ta thiệt hại đáng kể, nhưng quân và dân ta đã kiên cường chiến đấu và chiến thắng kẻ thù hung bạo. Đặc biệt trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, quân và dân miền Bắc đã đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác, lập nên "Điện

Biên Phủ trên không” lịch sử, bắn tan 81 máy bay các loại (34 máy bay B52 và 5 máy bay F111A), hạ uy danh “Pháo đài bay” Mỹ, diệt và bắt sống nhiều giặc lái Hoa Kỳ, làm phá sản âm mưu thương lượng trên thế mạnh của đế quốc Mỹ, tạo nên thắng lợi có ý nghĩa bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Thua đau ở miền Nam, thất bại nặng nề trong cuộc tập kích chiến lược vào miền Bắc, bị cô lập về chính trị, tập đoàn Níchxơn buộc phải ký Hiệp định Pari về Việt Nam ngày 27-1-1973. Ngày 29-3-1973, đội quân viễn chinh Mỹ phải cuốn cờ về nước.

Ngày chiến thắng Sài Gòn, Bác đã đi xa, nhưng quân dân cả nước vẫn thấy như “có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”. Chiến thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là sự chứng minh hùng hồn cho lời tiên đoán, dự báo thiên tài của Người.

Kể lại câu chuyện này, Thượng tướng Phùng Thế Tài kết luận: “Bản phương án đầu tiên đánh trả cuộc tập kích bằng B52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng được ra đời trong bối cảnh như thế...”¹.

1 Những kỷ niệm sâu sắc xung quanh “Điện Biên Phủ trên không” đã được Thượng tướng Phùng Thế Tài viết thành một chương nhan đề “Tâm nhìn xa của Bác”, in trong cuốn *Bác Hồ - những kỷ niệm không quên*, do NXB QĐND ấn hành năm 2002.

Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua Hồi ức *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng* thì Bác Hồ đã chỉ đạo đánh B52 của giặc Mỹ từ 3 năm trước, năm 1965. Ông kể:

“Giữa năm 1965... Bác Hồ đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho anh Đặng Tính, Chính uỷ Quân chủng Phòng không – Không quân nghiên cứu cách đánh B52. Quyết tâm bắn rơi B52 cũng được đề ra từ đây. Tháng 5-1966, Trung đoàn tên lửa H38 được điều vào Vĩnh Linh để nghiên cứu đánh B52. Tại đây, ngày 17-9-1967, Trung đoàn này đã bắn rơi chiếc B52 đầu tiên...”.

Trước đây, trong dịp sang thăm Liên Xô, Bác từng đề nghị Ban viện trợ quân sự, trong đó có đạn tên lửa để chuẩn bị sử dụng đánh thắng máy bay B52 trong trận “*Điện Biên Phủ trên không*” sau này. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết trong *Hồi ức* nói trên: “Từ năm 1969, bạn không viện trợ thêm một quả đạn tên lửa nào, các bộ phận khí tài, tên lửa, ra đa cũng dần dần xuống cấp. Điều đó đòi hỏi cán bộ, chiến sĩ ta phải ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất chiến đấu của vũ khí khí tài có trong tay”.

Theo lời Đại tướng, “Việc nghiên cứu chuẩn bị kế hoạch đánh B52” đã được triển khai gấp rút và đã căn bản hoàn thành vào tháng 9-1972.

Theo tư liệu của Phạm Quốc Vinh, đạo diễn và biên kịch bộ phim *“Hồi ức Hà Nội – Điện Biên Phủ”* thì, ngay sau lần Bác Hồ tiên đoán về việc Mỹ sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ thị cho một số cán bộ quân sự cao cấp vào chiến trường miền Nam, theo dõi từ mặt đất để nắm vững quy luật hoạt động và đánh phá của B52 (đồng thời bí mật đưa tên lửa vào giới tuyến để nghiên cứu cách đánh có hiệu quả – như Đại tướng đã kể).

Từ những kinh nghiệm thực tế chiến đấu sôi động, phương án đầu tiên đánh trả cuộc tập kích bằng B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng đã liên tục được bổ sung, hoàn chỉnh. Nó đã được thay thế bằng *“Phương án tháng 5”*, *“Phương án tháng 7”*, *“Phương án tháng 9”* và cuối cùng là *“Phương án tháng 11”*.

Cùng với phương án này, tháng 11-1972, cũng đã cho ra đời những tài liệu vô cùng quan trọng cho Bộ đội phòng không – không quân: *“Cách chống nhiễu thông tin”*, *“Quy trình bắt B52 trong nhiễu”*, *“Cách đánh B52 của bộ đội tên lửa”* (còn được gọi là sách *“Cắm nang bìa đỏ”* dày 30 trang đánh máy).

Trong quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và thắng lợi vẻ vang của mình, Quân chủng Phòng không – Không quân đã vinh dự

được đón Bác Hồ đến thăm 18 lần (trong đó có tới 6 lần vào dịp Tết Nguyên Đán) và được Người tặng 258 huy hiệu.

Theo báo cáo từ các đơn vị địa phương, trước khi diễn ra “Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không” vào tháng 12 năm 1972, bộ đội tên lửa Việt Nam từng 4 lần bắn rơi pháo đài bay B52 của Mỹ – mà chúng vẫn coi là vũ khí “át chủ bài”:

- Ngày 17-9-1967, Trung đoàn H38 bắn rơi một chiếc B52 ở đất thép Vĩnh Linh.

- Ngày 18-3-1971, Trung đoàn H37 bắn rơi một B52 trong Chiến dịch Đường 9 Nam Lào.

- Ngày 2-4-1972, Trung đoàn H36 bắn rơi chiếc B52 đầu tiên trong Chiến dịch Quảng Trị.

Theo lời kể của các nhà chỉ huy quân sự thì cả 3 lần trên, phía Mỹ đều im lặng và không dám công nhận, vì sợ bị mất thần tượng của không quân chiến lược. Trước mỗi phi vụ B52 bay vào vùng trời miền Bắc Việt Nam, các phi công của chúng đều được căn dặn: Nếu bị trúng đạn hãy cố đưa máy bay ra biển, hoặc lết về phía những rừng già phía Tây để... vừa dễ cứu hộ, vừa giấu được những bằng chứng, giữ bí mật cho những thiết bị tối tân có trong máy bay không lọt vào tay đối phương...

Trước cuộc tập kích chiến lược chưa đầy một

tháng, đêm 22-11-1972, Trung đoàn H63 đã thực hiện thành công “Quy trình bắt B52 trong nhiễu” bắn cháy một B52 khi chúng đến gây tội ác ở Nghệ An. Rất nhiều nhà báo quốc tế chứng kiến đồng xác pháo đài bay B52 này của Mỹ. Hãng UPI nhanh chóng loan báo tin này. Và thế là lần đầu tiên phía Mỹ thừa nhận: B52 đã bị tên lửa SAM 2 của Việt Nam bắn rơi!

Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” và gỡ thế bí trên bàn Hội nghị Pari, Mỹ tiếp tục cho máy bay ném bom miền Bắc nước ta. Đỉnh cao là cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của chúng vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm (từ 18 đến 29-12-1972). Ngay từ phút đầu tiên của chiến dịch này, với tinh thần chiến đấu dũng cảm, thông minh sáng tạo, đoàn kết hiệp đồng, vượt lên khó khăn ác liệt, bộ đội Phòng không – Không quân đã kịp thời phát hiện mục tiêu B52 và giáng trả những đòn đích đáng, cùng quân và dân miền Bắc bắn rơi 81 máy bay Mỹ, trong đó có 34 máy bay B52 (16 chiếc rơi tại chỗ), 5 F111 và 42 máy bay chiến thuật. Riêng bộ đội Phòng không – Không quân bắn rơi 32 máy bay B52 và nhiều máy bay chiến thuật khác. Trong dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Quân chủng Phòng không – Không

quân (22-10-1963 – 22-10-2003), Trung tướng Hán Vinh Tường, Bí thư Đảng uỷ của Quân chủng đánh giá:

“Chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 đã làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 của Mỹ, đập tan “Thần tượng B52” và cái gọi là “Uy thế không lực Hoa Kỳ”, buộc Chính quyền Mỹ phải ký Hiệp định Pari vào ngày 27-1-1973, tạo ra thế và lực mới cho cách mạng Việt Nam, đẩy nhanh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của dân tộc đi đến thắng lợi hoàn toàn”¹.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại, bộ đội Phòng không – Không quân đã có thể báo cáo trước anh linh của Bác Hồ: bắn rơi 2.635 máy bay trong tổng số 4.181 máy bay Mỹ bị quân và dân ta bắn rơi trên miền Bắc, gồm tất cả các loại hiện đại nhất của không quân Mỹ, trong đó có 64 máy bay B52, 13 máy bay F111, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái.

Có thể xem những trang đầu cuốn *“Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng”* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một văn bản

¹ Báo Nhân dân, 20-10-2003.

sinh động, cụ thể về quá trình quân đội ta thực hiện chỉ thị của Người trong việc đánh B52 của Mỹ, mà đỉnh cao là trận “Điện Biên Phủ trên không”.

Nhà báo Mỹ Stanley Karnow, người từng giành giải Pulitzer, đã viết trong tác phẩm *“Việt Nam – một thiên lịch sử truyền hình”* (Vietnam a television history) của ông như sau:

“Với tôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng tuyệt vời của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa cộng sản. Người đã đưa nghệ thuật chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích lên tầm cao mới. Ở tuổi 20, tôi đã ấn tượng mạnh về con người mà hàng triệu người Việt Nam gọi bằng cái tên trìu mến “Bác Hồ”, khi chứng kiến Người đọc bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945. Ấn sau bộ quần áo kaki, đôi dép cao su giản dị là một nhân cách lớn. Một con người mà mong ước lớn nhất của cuộc đời là làm sao cho dân tộc Việt Nam được độc lập, tự do. Và Người đã cống hiến đến hơi thở cuối cùng vì nỗi ước ao cao cả ấy. *Hồ Chí Minh không chỉ là một chính trị gia đại tài mà còn là một nhà tiên tri.* Không ai ngờ lời cảnh báo của Hồ Chí Minh năm 1946 khi biết người Mỹ có ý định đặt chân đến Việt Nam, 30 năm sau lại trở thành hiện thực *“Các ông có thể giết hại một số*

đồng bào tôi, nhưng cuối cùng chúng tôi vẫn là người chiến thắng". Cả người Pháp lẫn người Mỹ, quá tin vào sức mạnh của mình, đã phớt lờ lời cảnh báo ấy và hậu quả là người Pháp đã có một Điện Biên Phủ đại bại và nước Mỹ phải hứng chịu thất bại thảm hại nhất trong lịch sử chinh chiến của mình"¹.

Cuối năm 1967 đầu năm 1968, ngay trước ngày Tổng công kích và Tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân, Thượng tướng Trần Văn Trà đã từ căn cứ kháng chiến ở miền Nam ra Hà Nội, trong một chuyến đi và về hỏa tốc để báo cáo toàn bộ kế hoạch của B2 và nhận chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Lúc này Bác đang mệt, ông đến báo cáo vấn tất với Bác tình hình và nhiệm vụ. Bác chăm chú nghe, chỉ thị một số điểm và cuối cùng Bác nói:

- *"Trong cuộc chiến tranh này, ta không phải tiêu diệt hết quân Mỹ để thắng mà là ta phải đuổi hết Mỹ để thắng. Đó là tinh thần, trí tuệ và sức lực Việt Nam. Ta kiên trì, ta nhất định thắng!"*.

Thượng tướng Trà viết: "Thú thật lúc ấy tôi suy nghĩ mãi về câu này mà vẫn chưa hiểu hết nghĩa của nó. Mỗi ngày, được sự lãnh đạo của

¹ Báo Nhà báo và Công luận, số 19, từ 7 đến 13-5-2004.

Trung ương Đảng cộng với thực tế chiến đấu trên chiến trường tôi mới hiểu dần. Đúng là một kẻ địch mạnh như quân Mỹ, một quân đội nhà nghề được trang bị hiện đại và dồi dào nhất, dùng súng đạn, phương tiện tập trung tối đa, làm chủ hoàn toàn bầu trời, mặt sông, mặt biển, khống chế các trung tâm chính trị, giao thông mà ta muốn tiêu diệt nó bằng quân sự để thắng thì thật là khó. Nhưng còn đuổi nó hết ra khỏi đất nước ta thì phải làm thế nào? Cũng đâu phải đơn giản, tình hình ngày càng diễn biến phức tạp, có lúc ta gặp muôn vàn khó khăn đòi hỏi quân dân ta phải kiên trì mới đi đến thắng lợi. Năm 1969, trong lời kêu gọi nhân ngày 20-7, Bác giải thích rõ hơn:

“Đế quốc Mỹ thất bại đã rõ ràng, nhưng chúng chưa chịu từ bỏ dã tâm bám lấy miền Nam nước ta. Quân và dân cả nước ta, triệu người như một, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh, không sợ gian khổ, quyết kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, quyết chiến quyết thắng, đánh cho quân Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho nguy quân và nguy quyền sụp đổ hết, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”.

Tết Kỷ Dậu năm đó – Tết cuối cùng trước khi Bác đi xa – mặc dù tuổi cao sức yếu, Người vẫn

đến thăm và căn dặn cán bộ chiến sĩ Phòng không – Không quân:

“Hiện nay, giặc Mỹ đã ngừng ném bom ở miền Bắc. Nhưng, các cô, các chú phải luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao. Không tin được giặc Mỹ đâu. Chúng xảo quyệt lắm. Phải luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao để nó giờ què là mình đập lại được ngay!”¹.

Đúng như lời tiên tri của Bác, ngày 16-4-1972, Nixon bất ngờ đánh phá trở lại miền Bắc. Quân và dân ta đã chủ động đánh trả quyết liệt, bắn tan xác ngay 12 máy bay Mỹ. Tiếp đó là 12 ngày đêm cả bầu trời Hà Nội trở thành biển lửa thiêu đốt hàng đàn “pháo đài bay” B.52 của Mỹ.

Rõ ràng đường lối chỉ đạo của Bác được đề ra từ rất sớm và thực tế đã diễn ra đúng như vậy. Sau Mậu Thân 1968, Mỹ đã phải xuống thang chiến tranh, chịu ngồi vào đàm phán ở Pari. Nhưng cũng phải đánh cho chúng những đòn đau năm 1972 và tiếp sau nữa, bằng lực lượng tổng hợp, kết hợp nhiều phương pháp quân sự, chính trị, ngoại giao... ta đã có thể đuổi hết quân Mỹ về nước và tiếp đánh cho ngụy quân ngụy quyền sụp đổ tan tành thì mới giành toàn thắng”².

¹ Dẫn theo báo *Nhân dân cuối tuần*, số 52, 28-12-1997.

² Theo *Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ*, NXB T.P Hồ Chí Minh, 1986, tr. 93.

“NHỮNG VẦN THƠ NHƯ NHỮNG CÂU SẮM”

Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng, một trong những cộng sự gần gũi nhất của Bác Hồ, lúc sinh thời nói chuyện với các cán bộ làm việc trong cùng cơ quan như sau:

“Bác Hồ là người nhìn xa trông rộng, lúc nào cũng dự đoán được rất đúng những sự việc sẽ xảy ra... Thư chúc Tết của Người gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước năm nào cũng vậy, ngắn gọn, giản dị, súc tích, chân tình, đầm ấm và lạc quan yêu đời. Nội dung trong những lời thơ chúc Tết ấy còn thể hiện như những câu sấm, tiên đoán trước được những sự việc sẽ xảy ra, như những lời hịch kêu gọi đồng bào, chiến sĩ, cán bộ và nhân dân cả nước, luôn tiến lên trong sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Vào các dịp dân tộc đón xuân mới, là mỗi dịp Bác gặp gỡ dặn dò, chỉ bảo cán bộ chiến sĩ...”. Ông nói tiếp: “Tôi có một quyển sổ tay bìa cứng, trong đó tôi

ghi lại được hết những bức thư và bài thơ chúc Tết của Bác Hồ từ năm Bính Tuất (1946) đến năm Kỷ Dậu (1969) khi Bác đi xa. Tôi đọc thơ chúc Tết của Bác và nghiền ngẫm lại thấy Bác thật sự là một nhà tiên tri. Tôi đã già, tuổi tác hạn chế trí nhớ, nhưng nghe lời Bác, tôi vẫn tiếp tục học, học nữa và học mãi để phục vụ nhân dân. Tôi học qua những bài học kinh nghiệm của năm tháng là học trò trung thành của Bác. Tôi học trong công tác hàng ngày, học trong cuộc sống và học trong sách vở, báo chí, không ngừng trau dồi tri thức để phục vụ nhân dân nhiều hơn và tốt hơn như Bác đã dạy”.

Đọc thơ xuân của Bác, ghi chép và ngẫm nghĩ về những dòng Bác viết, còn có rất nhiều người đã làm như cố Phó Chủ tịch Nguyễn Lương Bằng. Thật ra, thơ Bác Hồ trong mỗi dịp xuân về, như những cánh én bay, rộn ràng báo những tin vui, và điều đặc biệt là ta có thể tìm ra những điều Người suy nghĩ, dự báo trong đó. Chẳng hạn như trong bài thơ *Chúc mừng năm mới* – Xuân 1969,

*“Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì Độc lập, vì Tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc - Nam sum họp, xuân nào vui hơn!”*.

“Đánh cho Mỹ cút” nghĩa là trước hết phải đuổi hết Mỹ đi, sau đó mới “đánh cho ngụy nhào” câu thơ của Bác đã như một lời chỉ đường cho sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Nhà nghiên cứu Tô Bữu Giám đi sâu phân tích bài báo “Chào Xuân” của Bác Hồ, viết vào dịp Tết Giáp Thân (năm 1944)¹.

Ở phần I của bài báo này, Bác của chúng ta phác họa “*những vẻ tốt tươi ấm áp, muôn hoa tươi thắm, ngàn lá tươi xanh*”, thay cho “*mùa đông lạnh lẽo, muôn vật tiêu điều*”. Với tâm hồn thi sĩ, đầy lạc quan, Người viết: “*Loài người lợi dụng cái luật tự nhiên của tạo hoá, chẳng những hưởng thụ cái hạnh phúc khoái lạc của mùa xuân, và lại nhận cái không khí phồn vinh của ngày xuân để sắp đặt cái kế hoạch hoạt động và sống còn cho cả năm, nên tục ngữ có câu “nhất niên chi kế thuỷ ư xuân”... “Xuân chẳng những là ôn hoà tươi đẹp, mà lại chí công vô tư. Đã không riêng cho một hạng người nào, cũng không riêng cho một nơi nào”... Niềm lạc quan thể hiện cả ở sự so sánh: “Đón rước Xuân này và đón rước mùa Xuân trước,*

¹ Báo Nhân dân (số ra ngày 24-1-2004) và Báo ảnh Đất Mũi (số 113, ngày 2-2-2004).

khác nhau nhiều lắm...”.

Khác nhau chỗ nào? Xuân trước (1943), trong độ này, 38 vạn tinh binh của Đức đánh vào Stalingrát. Nhưng kết quả bị một trận thất bại rất to... Quân Nga bắt được năm ngàn tướng lĩnh và hơn chín vạn lính Đức... từ đó trở đi, quân Trục (phát xít Đức – Ý) cứ thất bại mãi, mà quân Đồng minh thì lại thắng lợi luôn và lấy lại được nhiều thành trì trọng yếu...

“... Trong lúc viết bài “Chào Xuân” này, quân Nga đuổi quân Đức chẳng những ra khỏi đất Nga, mà lại vào sâu gần 60 cây số trong nước Ba Lan”.

Về tình hình mặt trận Địa Trung Hải, Bác viết: *“Ở Địa Trung Hải, từ xuân trước đến xuân này, Minh quân cũng thắng lợi luôn, mà bên Trục cũng thất bại mãi.*

Ngày 3-1-1943, đệ 8 quân Anh (lộ quân thứ 8) khởi phản công Ai Cập, đệ 19 quân Anh (lộ quân thứ 19) và viễn chinh quân Mỹ đổ bộ tại Maroc và Angiêri. Quân Trục phải bỏ Libi (thuộc địa của Ý) mà rút cả ở Tuynidi. Đến trung tuần tháng 5 thì quân Đức và Ý hoàn toàn bị đánh tan.

Trong trận đó, bao nhiêu thuộc địa của Ý đều mất sạch. Quân Trục tổn thất hơn 95 vạn người.

Trong số đó, 37 vạn lính Ý, 15 vạn lính Đức, 17 đại tướng và 2 nguyên soái bị cầm tù”.

Về Thái Bình Dương, Bắc Thái Bình Dương và Nam Thái Bình Dương, Người cũng nêu lên những con số xác thực về những đợt tấn công thắng lợi của mình quân, giành thế chủ động, làm cho các lực lượng phát xít gặp những thiệt hại rất nặng nề. Ở Trung Quốc, trong hai tháng 11, 12, ở Thường Đức cũng đã làm cho Nhật “*một mẻ mất hồn*”.

Cuối bài “*Chào Xuân*”, Bác nhấn mạnh: “*Đoán trước để xét sau, xem sự chuyển biến nói trên, thì chúng ta có thể nói rằng: Xuân này sẽ là Xuân thắng lợi cho mặt trận phản xâm lược*”.

Lời tiên đoán nói trên trở thành hiện thực như lịch sử đã ghi: năm 1944 là năm cách mạng toàn thế giới chuyển mạnh. Lực lượng quân đồng minh trên đã tiến công và liên tục giành thắng lợi ở các mặt trận. Phát xít Nhật sa lầy ở Trung Quốc, đang bị Hồng quân Trung Hoa giáng cho những đòn nặng nề.

Và kết luận bài báo đáng nhớ ấy, Người kêu gọi:

“*Xuân là Xuân chung, vậy chúng ta phải gắng sức công tác thế nào cho Đồng minh hội chúng ta cũng có phần thắng lợi chung của Đồng minh lớn kia.*

Vậy xin kết luận vài lời nô nê na rằng:

Rót cốc rượu Xuân, mừng cách mạng.

Viết bài chào Tết, chúc thành công!”.

Năm 1945, Bác không có thơ Xuân, vì công việc bận bịu, Người tập trung toàn bộ thời gian, sức lực để lãnh đạo cách mạng đến hoàn toàn thành công. Không có thơ, nhưng những lời hiệu triệu của Bác cũng đã báo hiệu thắng lợi đang tới gần.

Xuân Bính Tuất (1946) – Xuân độc lập đầu tiên. Người gửi đến toàn dân ý nguyện:

“Trong năm Bính Tuất mới

Muôn việc đều tiến tới

Kiến quốc chóng thành công

Kháng chiến mau thắng lợi”.

Và một năm sau, vào xuân Đinh Hợi (1947), Người báo hiệu:

“Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!

Thống nhất độc lập, nhất định thành công!”

Báo hiệu và tin tưởng. Tin vì chúng ta kháng chiến toàn dân, toàn diện, vì “Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng”, “Sức ta đã mạnh, người ta đã đông”. Đó là bài thơ Xuân đầu tiên của Bác mang âm hưởng của mùa xuân vừa kháng chiến vừa kiến quốc, nó mạnh như một bài hịch, nó phơi phới như một bài ca lạc quan tin tưởng vào chiến thắng của toàn dân tộc. Bài thơ chỉ có 8

câu mà chứa đựng đầy đủ tầm chiến lược của vị lãnh tụ thiên tài.

Xuân Mậu Tý 1948, vẫn một tư tưởng chiến lược ấy, niềm tin ấy, Người khẳng định:

*“Thống nhất chắc chắn được,
Độc lập quyết thành công”.*

Rồi mùa xuân 1949, chẳng bao lâu sau thơ Chúc tết, Bác đã có thư gửi đồng bào, Người đã viết về cái ngày giành thắng lợi đang tới gần:

“Tôi trịnh trọng hứa với đồng bào rằng:... để mau mau giải phóng đồng bào ra khỏi cảnh lầm than... Mà ngày giải phóng ấy sẽ không xa... Tôi chúc đồng bào mạnh khỏe, cố gắng và sẵn sàng để đón tiếp ngày giải phóng vẻ vang”.

Tết năm 1950, Người chỉ rõ rằng, “Cuộc kháng chiến sẽ bước sang giai đoạn mới... chuyển sang tổng phản công... năm mới chắc là một năm đại thắng lợi”. Bài thơ xuân Canh Dần 1950 cũng viết:

*“Chuyển mau sang tổng phản công,
Kháng chiến nhất định thắng lợi”.*

Trong tập truyện ký Vừa đi đường vừa kể chuyện, dưới bút danh T.L, Bác kể lại chuyến đi thị sát Chiến dịch Biên giới (1950) và nêu thật cụ thể ngày giành thắng lợi đó:

“Cuộc kháng chiến của chúng ta tuy rất gian khổ, nó có thể kéo dài bốn, năm năm nữa, nhưng

*cuối cùng chúng ta nhất định thắng lợi*¹.

Đúng như lời tiên tri, bốn năm sau, với chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, toàn dân ta đã kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Xuân Tân Mão 1951:

"Nhiều xuân kháng chiến càng gần thành công"

Xuân Nhâm Thìn 1952:

"Chắc thắng trăm phần trăm"

Xuân Quý Tỵ 1953, bài thơ dài 12 câu, thì 10 câu được bắt đầu bằng chữ "Mừng". Điều mừng ấy có cơ sở: những thành tích của hậu phương và tiền tuyến, của phong trào thi đua rộng lớn, của cuộc kháng chiến thắng lợi. Thắng lợi ấy góp phần vào sự lớn mạnh chung của "phe dân chủ hoà bình thế giới". Và, sự mở rộng thắng lợi ấy sẽ tiếp tục được Bác Hồ đề cập trong bài thơ Xuân Giáp Ngọ 1954 với những câu thơ trải rộng:

"Quân và dân ta nhất trí kết đoàn,

Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn
thành công

Hoà bình, dân chủ thế giới khắp Nam Bắc
Tây Đông,

Năm mới, thắng lợi càng mới, thành công
càng nhiều".

Vâng, năm 1954 ấy, cuộc kháng chiến đã

¹ *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.90.

hoàn toàn thành công. Ngay từ khi chuẩn bị bước vào Chiến dịch Điện Biên Phủ, trong bức thư gửi các cán bộ và chiến sĩ vào dịp Tết Nguyên Đán, Bác Hồ giao nhiệm vụ lịch sử: *“Bác mong các chú nêu cao quyết tâm... Xuân năm nay thành mùa xuân đại thắng lợi”*.

*

* *

Xin nhắc lại cảm nghĩ của cố Phó Chủ tịch Nguyễn Lương Bằng: “Tôi đọc thơ chúc Tết của Bác và nghiền ngẫm lại thấy Bác thật sự là một nhà tiên tri”. Tiên tri, vì bao giờ trong đó cũng thâm tóm, báo trước những mục tiêu lớn, cũng giúp đồng bào và chiến sĩ thấy được tình thế mới của cách mạng. Bên cạnh đó, hay hoà vào đó, là niềm vui sống, là tinh thần lạc quan của nhà cách mạng vĩ đại Hồ Chí Minh.

Năm 1961, cách mạng nước ta tiến lên chặng mới: mở đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Câu thơ mừng xuân của Bác như mở ra một chân trời rộng lớn:

“Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh”

Phấn khởi hướng tới ngày mai vô cùng tốt đẹp, Bác kêu gọi *miền Bắc càng hăng hái thi đua, miền Nam càng đoàn kết tiến tới*. Xuân 62 (Nhâm Dần), Xuân 63 (Quý Mão), Xuân 64 (Giáp Thìn) cũng vậy. Nhưng đã thấy những ngày vui đang đến, mỗi xuân một thêm gần:

Xuân Ất Ty 1965, Bác đã nhìn thấy:

“Miền Nam kháng chiến ngày càng thắng lợi”
và tin chắc:

“Hoà bình thống nhất ắt hẳn thành công!”

Xuân 1967 được dự đoán là “hơn hẳn mấy xuân qua”, nhưng sang 1969, lại “*chắc càng thắng to*”. Đó là năm cuối cùng của đời Bác, sức khoẻ của Người giảm nhiều, nhưng trước tương lai tốt đẹp của đất nước, Người như khoẻ ra, lời thơ càng rộn ràng, nhịp điệu thơ thật náo nức, lời chúc của thơ xuân càng đượm nhiều ý tưởng tiên tri.

*

* *

Trên báo *Nhân dân* (21-1-1962), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Brazil A.Pêrêina có viết về Bác Hồ: *“Một con người vừa làm lãnh tụ cách mạng lớn, lại vừa làm nhà thơ lớn, thì vẫn là một chuyện hiếm thấy xưa nay”*. Werner Lamberg (Vécơơ Lambecơơ), cố Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, trong lần tiếp nhà thơ Tố Hữu tại Béclin năm 1973, nói: *“Chúng tôi sung sướng được biết Bác Hồ – ngọn cờ của cách mạng Việt Nam – đồng thời cũng là một thi sĩ lớn mà thơ Người chứa đựng những tiên tri, vừa mở ra những hướng đi của mọi người Việt Nam vào*

cuộc chiến đấu, vừa khích lệ nơi họ niềm lạc quan cách mạng...”

Và còn biết bao suy nghĩ, nhận xét, đánh giá, ca ngợi thơ Hồ Chí Minh! Mà không chỉ về thơ chúc Tết, thơ viết vào những mùa xuân của Người. Trong thơ Bác – nếu viết hẳn một công trình về tầm nhìn lãnh tụ qua toàn bộ tác phẩm thi ca của Người – chúng ta sẽ trích dẫn được rất nhiều câu mang ý nghĩa tiên tri.

Khỏi phải phân tích dài dòng về ý nghĩa của câu thơ, về lòng tin của tác giả hướng tới tương lai làm chủ vận mệnh mình của nhân dân. Không lạc quan, không thể khẳng định được. Báo chí cũng hay đề cập bài thơ của Bác họa bài thơ của Nguyễn Hải Thần. Trong đó có một câu, nếu tách ra, sẽ thấy một tầm nhìn, một khí phách:

“Cờ tàn mới biết tay cao thấp”

Trong thơ, Bác đã từng dùng những hình ảnh gần gũi như bông hoa, sợi chỉ, tấm vải, con cáo, tổ ong, hòn đá, ngọn lửa... để nói lên sức mạnh của quần chúng lao động, lực lượng chủ yếu làm nên sức mạnh của khối đại đoàn kết. Điều đáng nói là, ngay ở thời kỳ bí mật, trong rừng sâu Việt Bắc, Người đã nhìn thấy trước sự lớn mạnh của quần chúng cách mạng. Bài *“Nhóm lửa”* viết ngày 1-8-1942 là một tác

phẩm diễn tả hết sức sinh động cái nhìn khách quan và lạc quan ấy:

*...Việc cách mạng cũng là như thế,
Bước ban đầu là bước gian nan.
Nào đế quốc, mật thám, bọn quan,
Đều là lũ ra tay phá hoại.
Hở một chút, tức là thất bại,
Sai một ly là hại cho dân.
Song khi cách mạng đã vững chân,
Sẽ ồ ạt lan tràn khắp xứ,
Sẽ vùn vụt như toà núi lửa,
Sẽ rầm rầm như ngọn thủy triều,
Sẽ kéo theo tất cả đồng bào,
Sẽ đè bẹp cả loài lang sói.
Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi,
Chiếu lá cờ độc lập, tự do!"*

Nắm vững quy luật tiến hoá của thiên nhiên, lịch sử và nhận rõ sức mạnh của trào lưu cách mạng thế giới, ngay ở trong ngục tù, Bác Hồ vẫn tin tưởng vào ngày mai tươi sáng và một lần nữa khẳng định tài tiên tri của mình:

*"Sự vật vẫn xoay đà định sẵn:
Hết mưa là nắng hừng lên thôi".*

Cũng như, trong một bài thơ khác, Người đã nói cùng chúng ta:

*"Vì không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân"...*

**“CHÂN ĐI KHẮP NĂM CHÂU,
MẮT TRÔNG XA VẠN DẶM;
NHẬN RÕ THỜI CUỘC, LẶNG DÒ THỜI CƠ”**

Câu trên đây được rút từ bức thư dài bằng chữ Hán (thể phú) mà Cụ Huỳnh Thúc Kháng, cố Bộ trưởng Bộ Nội vụ của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, đã viết với danh nghĩa Hội trưởng Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam với nhan đề *“Kính báo đồng bào phụ lão kháng chiến thư”* có thể coi như lời giải thích về cội nguồn những dự báo thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong thư, cụ Huỳnh nêu những gương anh hùng cứu quốc của dân tộc ta từ xưa đến nay. Về Chủ tịch Hồ Chí Minh, bức thư viết:

“Người thân yêu, kính mến nhất của đồng bào quốc dân chúng ta là Hồ Chí Minh tiên sinh. Là bậc yêu nước đại chí sĩ, là nhà lịch nghiệm cách mạng đại chuyên gia. Chân đi

khấp năm châu, mắt trông xa vạn dặm; nhận rõ thời cuộc, lạng dò thời cơ”.

Để viết được những lời đánh giá tốt đẹp như vậy, Cụ Huỳnh đã có nhiều ngày tháng được sống gần gũi và giúp việc Bác Hồ trong những tình huống hết sức sôi động. Khi Người đi thăm Pháp với tư cách một thượng khách, Cụ đã được Người ủy nhiệm làm Quyền Chủ tịch nước để thay Người cai quản công việc trong nước.

Những tháng đầu năm 1947, trong chuyến công tác tại Quảng Ngãi với cương vị đại diện Chính phủ Trung ương đi kinh lý miền Trung và Nam Trung Bộ, cụ Huỳnh có dịp tiếp xúc với nhiều thân hào, nhân sĩ và những người quen biết trước đây. Khi tiếp xúc, họ hỏi nhiều đến Bác Hồ. Cụ kể: “Ông Hồ hoạt động chính trị ở nhiều nước thuộc châu Phi, châu Á, châu Âu, cả hoạt động bí mật, cố nhiên là thay đổi tên họ luôn để tránh mạng lưới mật thám quốc tế. Nhưng cái tên làm chấn động thế giới là Nguyễn Ái Quốc...”.

Cụ Huỳnh nói rõ: “Về bằng cấp thì ông Hồ không tiến sĩ, phó bằng gì cả. Nhưng nói về trí thức và sự nghiệp cách mạng thì chắc chắn lớp chúng ta cũng như lớp trước chúng ta, không ai bì kịp. Sự hiểu biết của ông Hồ rất xa, rất rộng, chẳng những việc trong nước và cả việc thế giới

nữa kia. Nước này tương lai sẽ về đâu? Nước kia rồi đây sẽ thay đổi như thế nào? Ông nói rất rành rọt, mạch lạc, nghe không chán!”

Cụ còn nói: “Hồi năm 1926, cụ Tây Hồ¹ trước khi lâm chung, bàn về nhân vật ta ở nước ngoài đã nói với tôi: “Độc lập của nước Việt Nam sau này sở cậy có Nguyễn Ái Quốc!”. Nay đã thấy rõ lời nói ấy ứng nghiệm. Thật là cao kiến”.

Cụ Huỳnh đã xác lập được niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm: “Đã bảo là trường kỳ kháng chiến thì 5 năm, 10 năm, 20 năm biết đâu! Có một điều tôi đoán chắc là chúng ta sẽ thắng!”. Niềm tin ấy được xác lập trên những nhận thức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền cho Cụ, đó là: toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, xuất phát từ tư tưởng ĐẠI ĐOÀN KẾT. Cụ so sánh: trước kia các nhà cách mạng ít để ý đến đại đa số quần chúng nhân dân, tức là công nhân, nông dân cho nên thất bại.

Rất tiếc là Cụ Huỳnh không sống đến ngày kháng chiến thắng lợi, vì tuổi cao, sức yếu và đã nhuộm bệnh. Nhưng Cụ ra đi thật thanh thản, thật yên lòng, như lời lẽ trong thư gửi Bác Hồ, Cụ đã viết: “Bốn mươi năm ôm ấp độc lập và

¹ Tức Nhà chí sĩ Phan Bội Châu (B.T).

dân chủ, nay nước đã độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện, thế là tôi chết hả, chỉ tiếc là không được gặp Cụ¹ lần cuối cùng. Chúc Cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân trên đường vinh quang hạnh phúc...”.

Qua những tư liệu nói trên hiện đang lưu giữ tại kho tư liệu Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, chúng ta thấy Cụ Huỳnh, một bậc tài cao, đức trọng đã nhận xét Chủ tịch Hồ Chí Minh là một bậc xuất chúng, có tài tiên tri và thiên tài xuất chúng ấy do Người dày dạn kinh nghiệm trong hoạt động cách mạng, từng trải, là “bậc yêu nước đại chí sĩ”, ham học hỏi, dù không có bằng cấp, học vị gì.

Những nhận định của “vị chiến sĩ tiền bối”, “một người học rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao” như lời Hồ Chủ tịch nói về Cụ Huỳnh, đã tạo một niềm tin tưởng của đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là những người thuộc tầng lớp trên, còn chưa biết Người là ai.

Đó là chuyện của 6 thập kỷ trước.

Giờ đây, không chỉ nhân dân Việt Nam mà trên khắp hành tinh này, bạn bè năm châu, không ít lời ca ngợi Bác, vị lãnh tụ sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng: “*Tâm vĩ đại tư*

¹ Chỉ Bác Hồ (B.T).

tưởng của Người, nhân quan sáng suốt nhìn xa thấy rộng của Người chỉ có thể bắt nguồn từ nhận thức sâu sắc về những lực lượng thúc đẩy sự biến đổi có tính chất bùng nổ nhất trong toàn bộ công việc của Người qua các thời đại (...). Hồ Chí Minh kết tinh trong con người mình những đức tính vĩ đại của nhân dân Việt Nam". Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ Gớt Hôn)¹.

"Cuộc đời của Hồ Chủ tịch là cuộc đời của một người cộng sản. Người là hiện thân của hình ảnh mà Lênin gọi là "nhà cách mạng chuyên nghiệp"... Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có công lao to lớn, là lãnh tụ quốc tế". (Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Uruguay R.Arismendi)².

"Hồ Chí Minh là một con người mà cả cuộc đời đã trở thành huyền thoại. Bằng tấm gương của bản thân mình, với lòng yêu nước và những hy sinh cao cả, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại tấm gương sáng chói cho tất cả chúng ta noi theo". (Tổng thống Ấn Độ K.Vencataraman)³.

"Suốt cả đời mình, và ngay cả sau khi đã nhắm mắt, Người vẫn dìu dắt nhân dân đi đến thắng lợi hoàn toàn", "cuộc đời chiến đấu của

¹ Báo Nhân dân, 17-9-1969.

² Dẫn theo báo Quân đội Nhân dân cuối tuần, ngày 23-5-2004.

³ Tài liệu đã dẫn.

Người cũng là cuộc chiến đấu của tất cả các dân tộc bị áp bức, của châu Phi, của Palestín, của Việt Nam, của châu Á và của thế giới thứ ba, để giành lại phẩm cách và danh dự cho mình. Cuộc chiến đấu đó sẽ còn tiếp tục cho đến thắng lợi hoàn toàn và sẽ vẫn là tượng trưng cao cả nhất cho cuộc đấu tranh này". (Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa Angiêri Huari Bumêdiên). Đó chính là "Tám gương sáng và là nguồn cổ vũ đối với tất cả các dân tộc đang đấu tranh để tự giải phóng", là "ngọn đuốc chiến thắng", "Người vẫn đang sống với chúng ta, cùng hành động với chúng ta trong tất cả mọi lĩnh vực, trong lúc toàn thế giới đấu tranh vì hòa bình, tự do, quyền con người, vì tiến bộ xã hội". (Ý kiến của các bạn Chilê, Ba Lan, Bôlivia). Những lời đánh giá đó đồng nghĩa với nhận định của Đảng ta, qua lời đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn: "*Hồ Chủ tịch là kết tinh những giá trị tinh thần của nhân dân ta suốt 4000 năm lịch sử. Ở Người, tinh hoa của dân tộc được kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao của tư tưởng loài người trong thời đại mới*"¹.

Những hoạt động và tư tưởng cao cả của

¹ Xem sách *Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1986, tr.95.

Nguyễn Ái Quốc trong các thập kỷ đầu của thế kỷ XX, của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống ngoại xâm, với những tiên tri về thắng lợi cuối cùng của chính nghĩa được Xã luận báo *Chiến đấu* của Cônggô Boradavin đánh giá là “*đã đóng góp một vai trò lịch sử vô cùng to lớn trong vòng hơn 50 năm nay. Người đã làm lay chuyển hệ thống thực dân. Người đã góp phần biến đổi bản đồ thế giới, Người đã đẩy bánh xe lịch sử theo hướng tiến bộ*”¹. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà nhà báo Ápden Maléch (Cộng hòa Ả Rập Thống nhất) ca ngợi Bác Hồ “*như một vị thánh, một người thầy*” hay nhà báo Laila Enghebali ca ngợi Người “*đã gieo những hạt giống cho cuộc đấu tranh cách mạng ở tất cả các nơi nhân dân đang bị áp bức bóc lột*”. Lãnh tụ cách mạng Cuba Phidén Caxtơrô khẳng định “*Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách thiên tài cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và cuộc đấu tranh vì quyền lợi của quần chúng bị bọn phong kiến và giai cấp bóc lột áp bức*”; “*Người đã tìm ra con đường là: kết hợp giữa những tư tưởng yêu nước của các dân tộc với sự cần thiết*

¹ Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1985, tr.107.

phải giải thoát họ khỏi sự bóc lột xã hội”; “Sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điểm then chốt trong học thuyết của Người”.

Từ mọi phương trời, chúng ta nghe không biết bao nhiêu lời nói tốt đẹp của bầu bạn quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, như: “một nhà cách mạng vô sản lỗi lạc”, “một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa sáng tạo vĩ đại”, là “ngọn cờ thống nhất cho nhân dân mọi thế hệ khác nhau”; “một vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người thầy mácxít-lêninnít xuất sắc”, “là người khởi xướng những cuộc đấu tranh cho tự do trong thế giới thuộc địa”, “hiện thân của tất cả những gì tốt đẹp nhất trong phong trào vĩ đại của chúng ta”, “một nhà cách mạng, một người yêu nước, một người nhân đạo, nhà hoạt động quốc tế toàn tâm, toàn ý”, “một nhân vật thần thoại đã trở thành một trong những người cầm cờ vĩ đại nhất của cuộc đấu tranh giải phóng và tái sinh của nhân dân châu Á trong thời đại ngày nay”, “không những là vị lãnh tụ kiên cường của nhân dân Việt Nam mà còn là một vị lãnh tụ lỗi lạc của nhân dân châu Á và thế giới”, “một nhà tư tưởng lớn, một nhà yêu nước lớn, đồng thời là một chiến sĩ quốc tế chủ nghĩa cao cả; Người còn là một nhà văn, nhà

thơ lớn, một người bạn thân thiết của các dân tộc đang đấu tranh”¹...

Nhà cách mạng Nicaragua Umbettô Oóctêga từng cho rằng: *“Khó có lời nào có thể diễn tả được hết sự vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh”*. Còn tiến sĩ M.Átnút, Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương thì nói: *“...Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống, và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là hiện triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”*.

Tiến sĩ Rôexlan Ápdungani, một nhà hoạt động nổi tiếng Ấnônêxia khẳng định: *“...Điều mà Hồ Chí Minh để lại đằng sau những dấu chân của Người đã cung cấp cho tất cả chúng ta một cơ sở và một hướng đi để bước vào hiện tại và tương lai trong lĩnh vực các giá trị lý luận - đạo đức, xã hội - văn hóa và chính trị”*. Chính

¹ Xem “*Hồ Chủ tịch trong lòng nhân dân thế giới*”, “*Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “*Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*”, *Sổ ghi cảm tưởng tại Khu di tích Phủ Chủ tịch*...

khách Ấn Độ K.N. Xinh cũng nêu rõ: *“Chủ tịch Hồ Chí Minh không những là lãnh tụ của các bạn Việt Nam mà còn là người khởi xướng những cuộc đấu tranh cho tự do trong thế giới thuộc địa... Người là một Găngđi mácxít”*¹.

Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Anh G.Gôlan cũng từng đánh giá rất cao sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Người là một nhà cách mạng cộng sản vĩ đại, mà vị trí có một không hai đã được bảo đảm trong lịch sử”*²

*

* *

Gần 30 năm trôi qua, tôi vẫn thấy văng vẳng bên tai lời bà Giôhanna Gróttovôn, phu nhân của Cố Thủ tướng đầu tiên nước Cộng hòa Dân chủ Đức Ôttô Gróttovôn, một người đã nhiều lần được tiếp xúc với Bác Hồ... Đó là một buổi sáng đẹp trời ở Béclin, sau khi kể lại những kỷ niệm đẹp về Người, bà xúc động nói:

“Ngày mồng hai tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín, được tin Bác Hồ qua đời, tôi đau xót, rụng rời như khi được tin cha tôi mất. Nhưng rồi, sau những phút nặng nề,

¹ *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2001, tr.16.

² *Chiến sĩ cách mạng lỗi lạc*, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1990.

đau buồn nhất, tôi tự hỏi: Có lẽ nào, có lẽ nào một bậc vĩ nhân như Chủ tịch Hồ Chí Minh lại từ già cõi đời này được? Không, không, Người, với đôi mắt của người chiến sĩ, của người chiến thắng, của một nhà thơ, đôi mắt của một vị lãnh tụ, của một người cha thân yêu vẫn đang sống cùng chúng ta.

Đôi mắt ấy không bao giờ khép.

NGƯỜI VẪN NHÌN RÕ BƯỚC ĐI CỦA DÂN TỘC MÌNH,
NGƯỜI ĐÃ NHÌN TRƯỚC NHỮNG BƯỚC ĐƯỜNG CỦA
NHÂN DÂN VÀ ĐÃ CHỈ CHO NHÂN DÂN ĐI TỚI TƯƠNG
LAI HẠNH PHÚC, HUY HOÀNG.

Hơn thế, Người đã góp phần đấu tranh cho lẽ phải và hạnh phúc của cả loài người.

Ai hiến dâng đời mình cho nhân dân, cho loài người, người ấy trở thành bất tử!”.

ĐÔI LỜI CỦA TÁC GIẢ CÙNG BẠN ĐỌC

Như mọi lần, tôi cảm thấy thật hạnh phúc mỗi khi bắt tay thực hiện một cuốn sách hay viết một bài báo về Bác kính yêu. Với cuốn *“Hồ Chí Minh - nhà dự báo thiên tài”* cũng vậy. Nhưng, lại cũng xin thú thật với bạn đọc: so với các cuốn sách đã viết về Bác, tôi cảm thấy thực hiện cuốn sách này khó hơn nhiều. Vì sao vậy? Vì khó ngay từ khái niệm *“dự báo”*, *“tiên tri”*. Vâng, Bác là một nhà tiên tri, một nhà dự báo thiên tài. Điều ấy đã được nhiều nhân vật có uy tín khẳng định. Trong số đó, có nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, các cán bộ cấp cao của Nhà nước như: Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng, Phó Thủ tướng Tố Hữu, nhà sử học uyên bác Trần Văn Giàu, các vị tướng lĩnh như Đại tướng Hoàng Văn Thái, Thượng tướng Phùng Thế Tài, Trung tướng Phạm Hồng Cư... Tôi cũng được đọc các bài viết đề cập tài tiên tri của Bác mà nhà cách mạng lão thành Hồ Đức Thành, nhà báo Hàm Châu, nhà nghiên cứu văn học Phong Lê, các

tác giả là bạn tôi như Dương Trung Quốc, Lê Cường... đã công bố trên các tạp chí, tờ báo, trong các công trình nghiên cứu. Không ít các tác giả nước ngoài cũng đề cập khía cạnh này khi viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Tôi đã đọc các cuốn sách, các bài báo, các công trình đó với niềm say mê đầy hứng thú. Những chi tiết, những mẫu chuyện mà các tác giả kể lại, nói lên một khía cạnh đặc biệt trong thiên tài của Bác.

Vậy mà tôi vẫn thấy khó. Ấy là vì, không khéo sẽ làm cho người đọc hiểu sai khái niệm “*dự báo*”, “*tiên tri*” thành một sự huyền bí, duy tâm, thậm chí hiểu lệch thành “*đoán mò*” - một việc mà các thầy bói, thầy toán vẫn làm. Hiểu như vậy là dung tục hóa, tầm thường hóa những nhân vật có tài năng bẩm sinh đó. Trong lịch sử Việt Nam và thế giới từng có không ít những nhà tiên tri, những người có thể dự báo và nhìn thấy trước những diễn biến của sự việc, dù là lớn hay nhỏ. Bác của chúng ta là một nhà bác xít lỗi lạc, đánh giá, xem xét sự việc trên cơ sở phép biện chứng và bằng trí tuệ siêu việt, bằng trực giác nhạy cảm, bằng kiến thức xã hội phong phú, bằng kinh nghiệm hoạt động cách mạng từng trải. Là vị lãnh tụ thiên tài, Người luôn luôn xét đoán, nhìn thấy trước khả năng

xảy ra của những sự kiện, sự việc. Cái khó của người viết sách là ở chỗ: nếu chỉ kể chuyện, rằng Người đã tiên tri, dự báo việc này việc khác thì đơn giản quá, mà lại khó tiếp thu. Nhưng, nếu phân tích từng sự việc thì đòi hỏi một công trình nghiên cứu thật công phu, chính xác...

Trong ý nghĩ của nhiều người, Bác Hồ được coi như một vị Thánh. Các tín đồ tôn giáo tôn kính Người như Phật. Gần đây, trên báo *Nhân dân* (số ra ngày 22-4-2004), Linh mục Giuse Nguyễn Tiến Sự, Quản xứ giáo xứ Thánh Linh, Buôn Ma Thuột, đã khẳng định “Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ thiên tài, đã tìm ra chân lý cuộc sống cho dân tộc Việt Nam”. Đồng bào dân tộc Tây Nguyên gọi Người là Giàng (Trời). Người Dao Đeo Tiền coi Người như “*con trời*”. Lại có người đánh giá Người “*còn thánh hơn cả Thánh*”!

Trên tạp chí “*Xưa và Nay*”, số ra tháng 5-2004, tác giả Ngô Vĩnh Bao kể lại một chuyện cảm động như sau:

Ở tỉnh U Đon nơi đất Phật, Vương quốc Thái Lan, có chùa “Vất Phô”, nơi có vị sư già chủ trì chùa người Thái Lan, quý mến đức độ và khâm phục Bác Hồ là một con người yêu nước vĩ đại. Vị hòa thượng già ấy đã cho phép bà con Việt kiều tổ chức lễ truy điệu Bác Hồ, và cho 79 vị sư

tụng kinh niệm Phật cầu siêu cho Bác Hồ ở trong chùa 3 ngày đêm liền (bắt đầu từ ngày 11 đến hết ngày 13) tháng 9 năm 1969. Sau khi tổ chức lễ truy điệu Bác Hồ, vị hòa thượng đã cho chú tiểu trong chùa lấy tất cả các vòng hoa mà bà con Việt kiều mang đến viếng Bác phơi thật khô, rồi đem tán thật nhỏ, trộn với cao sáp, xong đem đúc thành những tượng Phật, mỗi ông Phật nhỏ bằng đầu ngón tay, mặt trước và mặt sau của bức tượng Phật đều được in Phật hiệu của chùa Vất Phô. Sư cả mang tất cả các “pho tượng Phật hoa” đem đi làm lễ tụng kinh luyện phép, phục hồn (phục xệch), rồi đem tặng cho các tín đồ đặc biệt đến lễ Phật viếng chùa. Vị hòa thượng còn giải thích rằng: “Cụ Hồ là một vị thánh, Cụ sẽ phù hộ cho bất cứ ai đeo Phật hoa của Cụ”.

Hẳn mọi người còn nhớ câu chuyện về “*Mất Bác Hồ có hai con người*” đã từng lưu truyền nhiều năm trong nhân dân ta. Và người ta tin rằng Người là một ông Thánh! Ngay ông Thống lý ở Phiêng Sa (Lào) rất tự hào khi bức ảnh trên được treo tại nhà ông. Ông đã “*phát hiện*” mất Hồ Chủ tịch có hai con người. Ông nói: “*Mất Hồ Chủ tịch có hai con người, khác người thường. Người hiểu thấu khát vọng của mọi người dân, bất kể người đó là dân tộc nào, đó là*

lòng nhân nghĩa cao cả của Người”¹.

Thật ra, như lời cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: *Làm gì có chuyện hoang đường khi cho rằng mắt Hồ Chủ tịch là mắt Thánh!* “Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người, sáng hơn mắt mọi người nhiều lần đã đành, nhưng sáng hơn vì Người biết nhìn, nên nhìn thấy: hiện tại, tương lai, cái nhỏ, cái to”. Tác giả của bức chân dung nói trên, ông Vũ Năng An, đã giải thích rằng trên đôi mắt Người có hai điểm sáng là do ảnh chiếu tạo hình của hai cái đèn tụ quang tăng điện thế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc vĩ nhân, là nhân vật huyền thoại của thế kỷ XX - điều ấy không chỉ người trong nước mà người nước ngoài cũng nói. Nhưng, chính vì Người là con người bằng da, bằng thịt, cũng gần gũi như Cha, như Bác, như Anh, mà càng được tôn kính đến mức thần thoại hóa do cuộc đời cao đẹp và tài trí, đạo đức lớn lao của Người.

Biết là khó, nhưng tôi vẫn quyết tâm thực hiện quyển sách này, với sự khích lệ, cổ vũ của tập thể cán bộ Nhà xuất bản Thông Tấn, và với niềm hạnh phúc đặc biệt.

Tuy nhiên, tôi lại cũng có một thuận lợi lớn là được thừa hưởng một loạt tư liệu hết sức đa dạng của các tác giả mà tôi đã chú thích rõ

¹ Xem báo *Quân đội Nhân dân*, số ra ngày 24-8-1995.

trong sách. Xét cho cùng, tôi chỉ là người sưu tầm, rút ra và chép lại từ hàng trăm quyển sách, hàng ngàn tờ báo, đem sắp xếp, hệ thống lại theo từng chủ đề để bạn đọc dễ theo dõi mà thôi. Không có các cuốn sách, công trình, hồi ức, bài viết của những người đi trước, tôi làm sao có thể thực hiện được cuốn sách nhỏ này! Vì vậy, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn trân trọng đối với tất cả các tác giả mà tôi được đọc và trích dẫn. Xin các vị coi đây là kết quả chung của nhiều người, chứ không riêng người thực hiện.

Tôi cũng xin có lời cảm ơn chân thành đối với PGS-Tiến sĩ Lê Văn Tích, Phó Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh, PGS-Tiến sĩ Đinh Xuân Dũng, Vụ trưởng Vụ Xuất bản Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương và Bảo tàng Hồ Chí Minh đã có những ý kiến đóng góp quý báu cho bản thảo này.

Cuốn sách nhỏ này đề cập một chủ đề lớn và được tiến hành khá khẩn trương, cho nên chỉ là những nét phác họa, gợi mở và khó tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong quý vị độc giả vui lòng chỉ giúp với sự lượng thứ và chỉ bảo ân cần.

Cuối cùng, một lần nữa, tôi chân thành cảm ơn sự giúp đỡ đầy nhiệt tình của Nhà xuất bản Thông Tấn để kịp có món quà nhỏ gửi tới bạn đọc xa gần trong dịp Kỷ niệm 35 năm chúng ta thực hiện Di chúc của Bác Hồ kính yêu.

TRẦN DƯƠNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời Nhà xuất bản	7
• 1920: Giữa nhiều ngã đường Bác chọn con đường Lenin	9
• Từ năm 1941, Bác đã nhận định: “Việt Nam độc lập năm 1945”	32
• Dự kiến trước mọi tình huống	48
• Ngủ trong “Giấc ngủ mười năm”	83
• Kẻ địch mới sẽ hùng mạnh và hung ác hơn nhiều	93
• Mỹ chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội	111
• “Những vần thơ như những câu sấm”	127
• “Chân đi khắp năm châu, mắt trông xa vạn dặm; nhận rõ thời cuộc, lặn dò thời cơ”	139
• Đôi lời của tác giả cùng bạn đọc	150

HỒ CHÍ MINH

NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI

Chịu trách nhiệm xuất bản

Vũ Quốc Khánh

Hồ Văn Sơn

Biên tập

Vũ Thị Kim Hải

Nguyễn Trọng Khâm

Phùng Thị Mỹ

Sửa bản in

Văn Chiến Thắng

Trình bày bìa

Tạ Duy

In 2000 cuốn, khổ 13 x 19cm. Giấy chấp nhận ĐKKHXB số 483-2006/CXB/01-42/THT 21-06-2006.

In tại Công ty CP in Hà Tĩnh. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2006

HỒ CHÍ MINH
NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

37 Lê Hồng Phong
Thành Phố Vinh Nghệ An
ĐT: 840560



Giá: 18.000đ